

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI E&C



**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN**  
**NĂM 2017**

*Hà Nội, tháng 5 năm 2018*




## MỤC LỤC

1. Thông tin cơ bản về Công ty .....	3
2. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển .....	4
3. Cơ cấu tổ chức của Công ty.....	6
4. Danh sách cổ đông nắm giữ trên 5% vốn cổ phần của Công ty; danh sách cổ đông sáng lập và tỉ lệ cổ phần nắm giữ; cơ cấu cổ đông .....	8
5. Lĩnh vực hoạt động kinh doanh chính.....	9
6. Định hướng phát triển .....	15
7. Các rủi ro .....	17
<b>I. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM.....</b>	<b>19</b>
1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh .....	19
2. Tổ chức và nhân sự .....	20
3. Tình hình tài chính .....	35
4. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu .....	36
<b>II. Báo cáo và đánh giá của Ban giám đốc.....</b>	<b>37</b>
1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh .....	37
2. Tình hình tài chính .....	40
3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý .....	44
4. Kế hoạch phát triển trong tương lai .....	47
<b>III. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty .....</b>	<b>48</b>
1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty.....	48
2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban giám đốc Công ty .....	49
3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị.....	50
<b>IV. Quản trị Công ty .....</b>	<b>52</b>
1. Hội đồng quản trị .....	52
2. Ban kiểm soát.....	56
3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát.....	57
<b>V. Báo cáo tài chính .....</b>	<b>58</b>
1. Ý kiến kiểm toán.....	58
2. Báo cáo tài chính được kiểm toán.....	58
<b>BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP.....</b>	<b>60</b>



## THÔNG TIN CHUNG CỦA CÔNG TY

### 1. Thông tin cơ bản về Công ty

<b>Tên tiếng Việt</b>	: CÔNG TY CỔ PHẦN SCI E&C
<b>Tên tiếng Anh</b>	: SCI E&C JOINT STOCK COMPANY
<b>Tên viết tắt</b>	: SCI - E&C
<b>Logo</b>	: 
<b>Trụ sở chính</b>	: Tầng 3 tháp C tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì, P. Mỹ Trì, Q. Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam.
<b>Điện thoại</b>	: (+84-24) 33868243.
<b>Fax</b>	: (+84-24) 33868243.
<b>Website</b>	: <a href="http://www.sci-enc.com">http://www.sci-enc.com</a>
<b>Email</b>	: <a href="mailto:sci-enc@scigroup.vn">sci-enc@scigroup.vn</a>
<b>Vốn điều lệ đăng ký</b>	: 100.000.000.000 đồng (Một trăm tỷ đồng).
<b>Vốn điều lệ thực góp</b>	: 100.000.000.000 đồng (Một trăm tỷ đồng).
<b>Giấy chứng nhận ĐKKD số</b>	: 0500574676 do Sở Kế hoạch Đầu tư TP. Hà Nội cấp lần đầu ngày 31 tháng 05 năm 2010, đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 29 tháng 05 năm 2017.

#### Ngành nghề kinh doanh:

Theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0500574676 do Sở Kế hoạch Đầu tư TP. Hà Nội cấp lần đầu ngày 31 tháng 05 năm 2010, đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 29 tháng 05 năm 2017, ngành nghề kinh doanh chủ yếu của Công ty như sau:

- Xây dựng nhà các loại, xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng.
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác: xây dựng công trình công nghiệp, trừ nhà cửa như: Các nhà máy lọc dầu, các xưởng hóa chất, xây dựng công trình cửa như: đường thủy, bến cảng và các công trình trên sông, các cảng du lịch, cửa cống... Đập và đê, xây dựng đường hầm; các công việc xây dựng khác không phải nhà như: các công trình thể thao ngoài trời;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ; Xây dựng công trình công ích
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng: Xây dựng nền móng của tòa nhà gồm đóng cọc, thử độ ẩm và các công việc thử nước, Chống ẩm các tòa nhà, chôn chân trụ, dỡ bỏ các phần thép không tự sản xuất, uốn thép, xây gạch và đặt đá, lợp mái bao phủ tòa nhà; Dựng giàn giáo và các công việc tạo dựng mặt bằng bằng dỡ bỏ hoặc phá hủy các công trình xây dựng trừ việc thuê giàn giáo và mặt bằng, dỡ bỏ ống khói và các nồi hơi công nghiệp, các công việc đòi hỏi chuyên môn cần thiết như kỹ năng trèo và sử dụng các thiết bị liên quan, ví dụ làm việc ở tầng cao trên các công trình cao; Các công việc dưới bề mặt; Xây dựng bể bơi ngoài trời; Rửa bằng hơi nước, nổ cát và các hoạt động tương tự cho bề ngoài tòa nhà; Thuê cần trục có người điều khiển.

- Phá dỡ, chuẩn bị mặt bằng: làm sạch mặt bằng xây dựng; vận chuyển đất: đào, lấp, san mặt bằng và ủi tại các mặt bằng xây dựng, tiêu nước, vận chuyển đá, nổ mìn. Chuẩn bị mặt bằng để khai thác như: chuyển vật cồng kênh và các hoạt động chuẩn bị, phát triển khác đối với các mặt bằng và tài sản khoáng sản, ngoại trừ ở những vùng dầu và khí; Khoan thăm dò, khoan lỗ kiểm tra, lấy mẫu thử để kiểm tra về địa chất, địa vật lý hoặc các mục đích tương tự; hệ thống cấp thoát nước mặt bằng xây dựng; hệ thống cấp thoát nước nông nghiệp và lâm nghiệp;
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác; Lắp đặt hệ thống điện;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí; Hoàn thiện công trình xây dựng;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét; Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét; Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan;
- Bán buôn máy móc thiết bị và phụ tùng máy khác: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng; Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện như máy biến thế, rowle, cầu dao, cầu chì,...); Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi); Bán buôn máy móc, thiết bị phụ tùng máy công nghiệp.
- Sửa chữa máy móc, thiết bị
- Khai thác quặng sắt (Chỉ hoạt động sau khi được cơ quan có thẩm quyền của Nhà nước cho phép)
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ
- Sản xuất, truyền tải và phân phối điện: Sản xuất, truyền tải và phân phối điện; Mua bán điện
- Cho thuê xe có động cơ: Cho thuê ô tô
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác: Cho thuê máy móc, thiết bị nông, lâm nghiệp.
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh (trừ mặt hàng Nhà nước cấm)
- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác; Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống); Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác; Bán mô tô, xe máy; Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy
- Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại
- Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu: Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại.

## 2. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

- Từ năm 2006 đến năm 2007: Nhà máy chế tạo cơ khí Sông Đà trực thuộc Công ty cổ phần Sông Đà 9. Nhiệm vụ chính:

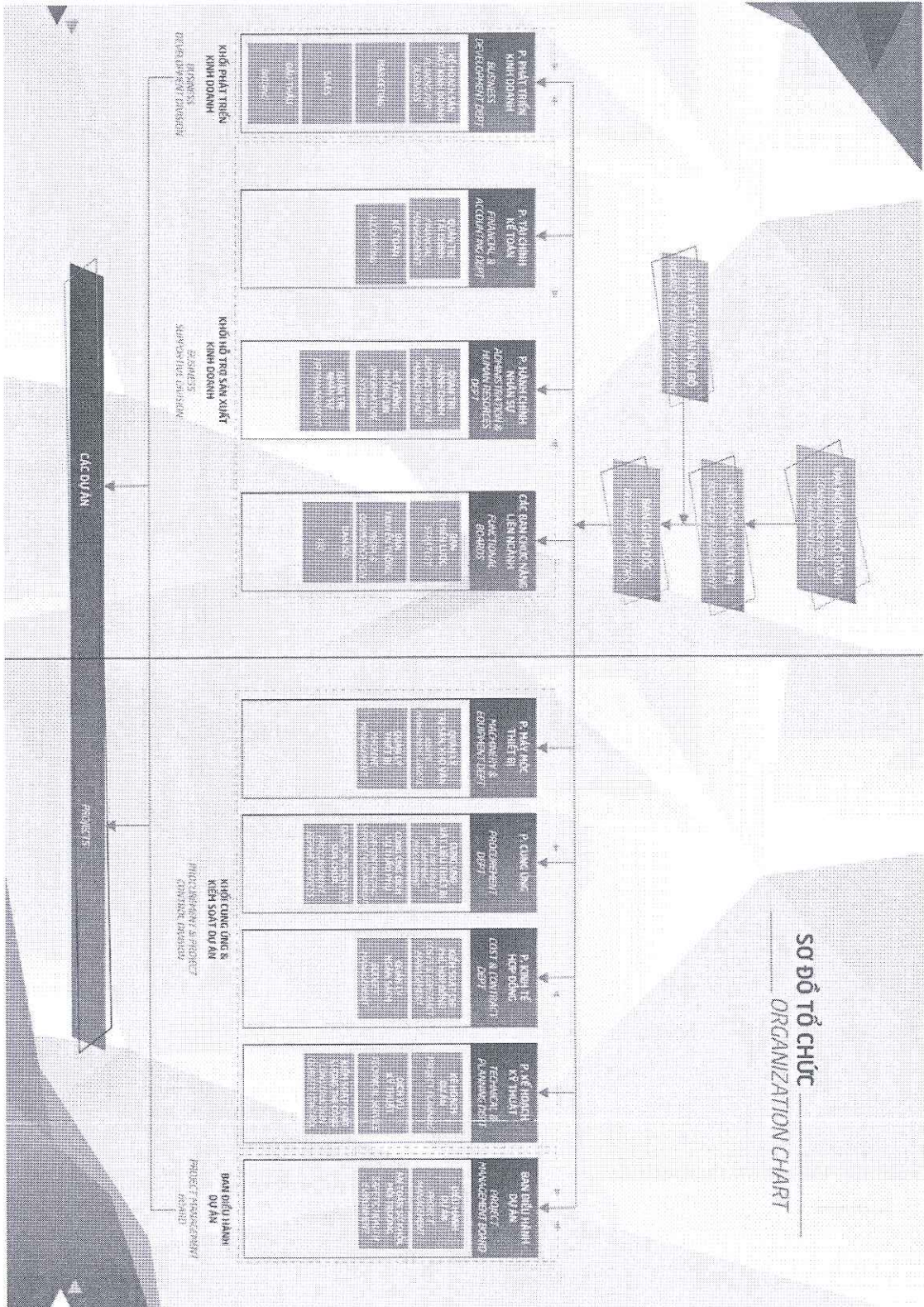


- Chế tạo, lắp đặt các cấu kiện cơ khí; sản xuất phụ tùng ô tô, phụ tùng máy xây dựng và xe máy
- Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng ô tô, máy xây dựng và xe
- Xây dựng đường dây và trạm biến thế
- **Từ năm 2007 đến năm 2010:** Công ty TNHH MTV cơ khí và sửa chữa Sông Đà 9.  
Nhiệm vụ chính:
  - Chế tạo, lắp đặt các cấu kiện cơ khí; sản xuất phụ tùng ô tô, phụ tùng máy xây dựng và xe máy
  - Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng ô tô, máy xây dựng và xe
  - Xuất nhập khẩu vật tư, phụ tùng, thiết bị công nghệ xây
  - Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng đô thị và khu công nghiệp
  - Khai thác mỏ và sản xuất vật liệu xây dựng
- **Từ năm 2010 đến nay:** Công ty cổ phần SCI E&C: Sau khi cổ phần hóa, Công ty đã năng động hơn để thích ứng với điều kiện của kinh tế thị trường, mở rộng thêm ngành nghề kinh doanh, chú trọng vào phát triển xây dựng cơ sở hạ tầng giao thông đường bộ, giao thông đường thủy, thủy điện, nhiệt điện, thủy lợi, xây lắp điện; từng bước chuyên dần một phần tỷ trọng xây lắp sang thương mại, dịch vụ, đầu tư. Tăng cường nhân lực chất lượng cao, máy móc thiết bị hiện đại. Bước đầu đơn vị đã thu được những thành quả rất khả quan, tốc độ phát triển nhanh và bền vững.



3. Cơ cấu tổ chức của Công ty

Sơ đồ tổ chức Công ty cổ phần SCI E&C.



SƠ ĐỒ TỔ CHỨC  
ORGANIZATION CHART



### **Đại hội đồng cổ đông**

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ của Công ty. Đại hội đồng cổ đông có trách nhiệm thảo luận và phê chuẩn những chính sách dài hạn và ngắn hạn về phát triển của Công ty, quyết định về cơ cấu vốn, quyết định về đầu tư, kinh doanh, chuyển nhượng, thế chấp giá trị lớn, quyết định về sáp nhập, mua lại hợp nhất, chia tách công ty, bầu ra bộ máy quản lý và điều hành các hoạt động kinh doanh của Công ty được quy định chi tiết tại Điều lệ Công ty.

### **Hội đồng quản trị**

Hội đồng quản trị là cơ quan quản trị của Công ty, có quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông mà không được ủy quyền. Hội đồng quản trị có nhiệm vụ quyết định chiến lược phát triển của Công ty; xây dựng các kế hoạch phát triển kinh doanh; xây dựng cơ cấu tổ chức; quy chế quản lý; đưa ra các quyết định nhằm đạt được mục tiêu do Đại hội đồng cổ đông đề ra. Cơ cấu Hội đồng quản trị đương nhiệm:

- |                        |                   |
|------------------------|-------------------|
| - Ông Nguyễn Công Hùng | - Chủ tịch HĐQT   |
| - Ông Nguyễn Chính Đại | - Thành viên HĐQT |
| - Ông Hoàng Công Tuấn  | - Thành viên HĐQT |
| - Ông Lương Thanh Tùng | - Thành viên HĐQT |
| - Ông Triệu Quang Hà   | - Thành viên HĐQT |

### **Ban Kiểm soát**

Là cơ quan do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, có nhiệm vụ kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong hoạt động quản lý của Hội đồng quản trị, hoạt động điều hành kinh doanh của Giám đốc; trong ghi chép của sổ kế toán và báo cáo tài chính. Ban kiểm soát hoạt động độc lập với hội đồng quản trị và Ban giám đốc. Cơ cấu Ban kiểm soát đương nhiệm:

- |                           |                  |
|---------------------------|------------------|
| - Bà Trần Thị Len         | - Trưởng BKS     |
| - Ông Cao Lữ Phi Hùng     | - Thành viên BKS |
| - Bà Quách Thị Thanh Thủy | - Thành viên BKS |

### **Ban Giám đốc Công ty**

Ban Giám đốc là cơ quan điều hành mọi hoạt động kinh doanh của Công ty, chịu trách nhiệm trước Đại hội cổ đông và Hội đồng quản trị về toàn bộ việc tổ chức sản xuất kinh doanh, thực hiện các biện pháp nhằm đạt được các mục tiêu phát triển của Công ty. Ban Giám đốc gồm:

- |                         |                |                            |
|-------------------------|----------------|----------------------------|
| - Ông Nguyễn Chính Đại  | - Giám đốc     |                            |
| - Ông Hoàng Công Tuấn   | - Phó giám đốc |                            |
| - Ông Phan Thanh Hải    | - Phó giám đốc | Bổ nhiệm ngày 01/12/2017   |
| - Ông Nguyễn Quang Hưng | - Phó giám đốc | Miễn nhiệm ngày 01/01/2018 |
| - Ông Nguyễn Cao Hải    | - Phó giám đốc |                            |
| - Ông Nguyễn Tuấn Dũng  | - Phó giám đốc | Miễn nhiệm ngày 29/12/2017 |



#### Các phòng ban, đội

Các phòng ban, bộ phận trong Công ty thực hiện các công việc chức năng nhằm đảm bảo cho việc quản lý, tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Ban giám đốc được hiệu quả và đúng luật.

**4. Danh sách cổ đông nắm giữ trên 5% vốn cổ phần của Công ty; danh sách cổ đông sáng lập và tỉ lệ cổ phần nắm giữ; cơ cấu cổ đông**

#### 4.1 Cổ đông nắm giữ trên 5% vốn cổ phần của Công ty Cổ phần SCI E&C

TT	Tên cổ đông	Địa chỉ	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ vốn góp (%)
1	Công ty CP SCI	Tầng 3 tháp C tòa nhà Golden Palace, Đ.Mễ Trì, P.Mễ Trì, Q.Nam Từ Liêm, TP Hà Nội	6.050.000	60.5
<b>Tổng cộng:</b>			<b>6.050.000</b>	<b>60.5</b>

#### 4.2 Cổ đông sáng lập của Công ty Cổ phần SCI E&C

Theo Giấy chứng nhận ĐKKD số 0500574676 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội đăng ký lần đầu ngày 31 tháng 05 năm 2010, cổ đông sáng lập của Công ty cổ phần Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9 gồm có:

TT	Tên cổ đông	Địa chỉ	Loại cổ phần	Số cổ phần	Vốn góp (đồng)	Tỷ lệ vốn góp (%)
1	Ông Nguyễn Đăng Lanh	Phòng 206 H4 phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, TP. Hà Nội		40.000	400.000.000	0,8
2	Ông Nguyễn Công Hùng	P.1012 CT3B, KĐT Văn Quán, P.Văn Quán, Q.Hà Đông, Hà Nội.		50.000	500.000.000	1,0
3	Công ty cổ phần Sông Đà 9	Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, xã Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, TP. Hà Nội		2.550.000	25.500.000.000	51,0
<b>Tổng cộng:</b>				<b>2.640.000</b>	<b>26.400.000.000</b>	<b>52,8</b>

Công ty Cổ phần SCI E&C đã đi vào hoạt động từ ngày 31/05/2010 và căn cứ vào quy định tại điều 84, khoản 5, Luật Doanh nghiệp 2005 thì thời hạn hiệu lực của việc hạn chế chuyển



nhượng đối với cổ đông sáng lập là ngày 31/05/2013. Như vậy, đến thời điểm hiện nay mọi hạn chế chuyển nhượng đối với cổ đông sáng lập đã hết hiệu lực.

#### 4.3 Cơ cấu cổ đông

Cơ cấu cổ đông của Công ty tại ngày 31/12/2017 được phân loại như sau:

TT	Cơ cấu cổ đông	Số lượng	Cổ phiếu sở hữu	Số tiền (đồng)	Tỷ lệ trên Vốn điều lệ (%)
1	<b>Cổ đông trong nước</b>	333	9.987.800	99.878.000.000	99,88
	- Cá nhân	327	3.851.765	38.517.650.000	38,52
	- Tổ chức	6	6.136.035	61.360.350.000	61,36
2	<b>Cổ đông ngoài nước</b>	2	-	-	-
	- Cá nhân	2	12.200	122.200.000	0,12
	- Tổ chức	-	-	-	-
<b>Tổng cộng:</b>		<b>335</b>	<b>10.000.000</b>	<b>100.000.000.000</b>	<b>100</b>

### 5. Lĩnh vực hoạt động kinh doanh chính

#### ❖ Sản phẩm và dịch vụ chính

Công ty Cổ phần SCI E&C hoạt động chính trong lĩnh vực xây lắp thi công cơ giới các công trình thủy điện và thủy lợi, giao thông và hạ tầng, sản xuất cơ khí. Doanh thu và lợi nhuận của Công ty chủ yếu từ các hoạt động này.

##### ▪ Lĩnh vực xây dựng các công trình thủy điện, thủy lợi

Công ty đã tham gia xây dựng Nhà máy thủy điện Sơn La, thủy điện Lai Châu, thủy điện Xêkaman 3, thủy điện Trung Sơn, thủy điện Nậm Khánh, Kè và chỉnh trị Sông Hồng và Sông Ninh Cơ, Nhiệt điện Long Phú, Nhiệt điện Vũng Áng, Nhiệt điện Long Phú, Đường Hồ Chí Minh đoạn Đà Nẵng, Thủy điện Ca Nan, Thủy điện NamTheun Lào ... với các sản phẩm chủ yếu là: đập đầu mối; một số hạng mục công trình của tuyến năng lượng; khai thác mỏ vật liệu trong phạm vi công trình phục vụ cho xây lắp; hệ thống đường giao thông nội bộ công trường; tuyến ống áp lực của một số công trình thủy điện nhỏ... Tỷ trọng giá trị sản lượng và doanh thu của lĩnh vực này ước chiếm khoảng 70 - 80% tổng sản lượng và doanh thu trong quá trình phát triển của Công ty.

##### ▪ Lĩnh vực giao thông

Các công trình giao thông mà Công ty đảm nhận thi công bao gồm: Công trình đường giao thông bên Lào; Công trình thủy điện Ca Nan và Giao thông Lào; ... Tỷ trọng giá trị sản lượng của lĩnh vực này chiếm khoảng 15 - 20% tổng sản lượng và doanh thu trong quá trình phát triển của Công ty.



▪ Sản xuất cơ khí

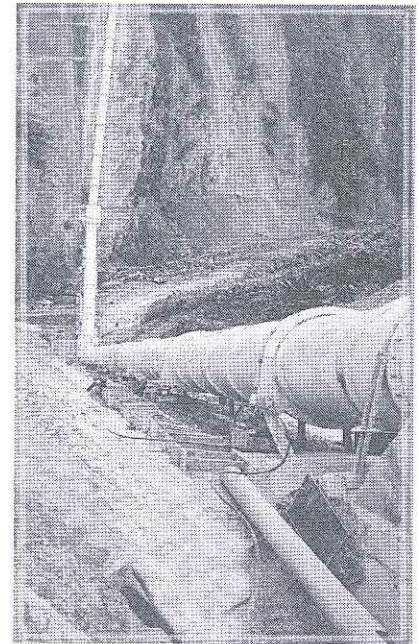
Sản xuất kinh doanh điện, sản xuất các cấu kiện cơ khí phi tiêu chuẩn. Ước tính tỷ trọng giá trị sản lượng của lĩnh vực này chiếm khoảng 5- 7% tổng sản lượng và doanh thu trong quá trình phát triển của Công ty, bao gồm: Đường ống áp lực Thủy điện Nậm Khánh, đường ống áp lực thủy điện Nậm Ngân, cầu Bailey công trình Trung Sơn, cầu Bailey công trình Hủa Na, nhà xưởng Nhà máy xi măng Hạ Long...

▪ Các lĩnh vực khác

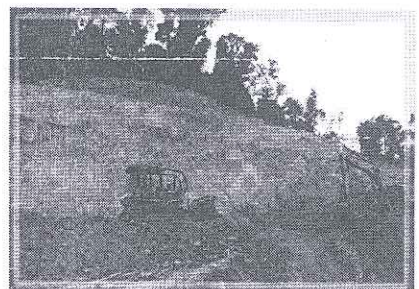
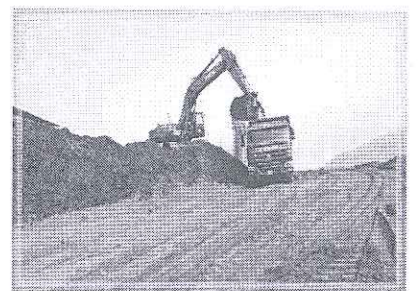
Dịch vụ kinh doanh vật tư sắt thép Đà Nẵng, kinh doanh khác, chiếm tỷ trọng khoảng 3 - 10% tổng sản lượng và doanh thu trong quá trình phát triển của Công ty.

Một số dự án của Công ty

<b>Thủy điện Canan 2</b> <i>Canan 2 Hydro Power Project</i>	
Chủ đầu tư <i>Investor</i>	Công ty TNHH SCI Nghệ An <i>SCI Nghe An.Ltd</i>
Cấp công trình <i>Classification</i>	Cấp III <i>Class III</i>
Công suất <i>Capacity</i>	16MW
Địa điểm xây dựng <i>Place</i>	Tỉnh Nghệ An <i>Nghe An Province</i>
Hợp đồng thi công <i>Contract</i>	Tổng thầu EPC <i>EPC Contractor</i>
Giá trị hợp đồng <i>Value</i>	481.695.964.381 VNĐ
Tiến độ <i>Progress</i>	9/2016 - 4/2018

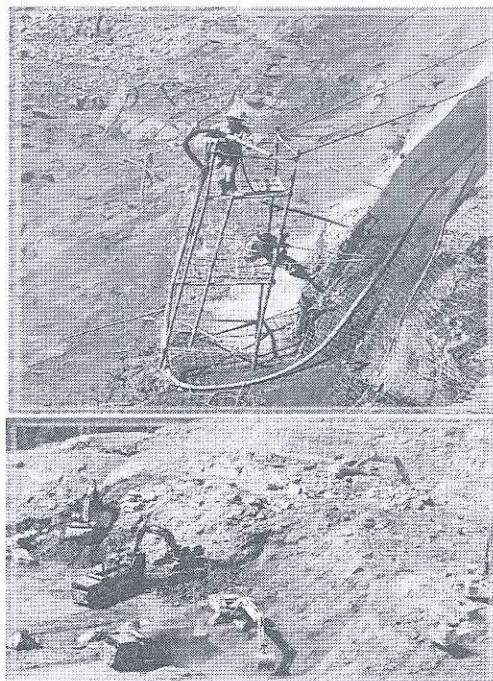


<b>Thủy điện Canan 1</b> <i>Canan 1 Hydro Power Project</i>	
Chủ đầu tư <i>Investor</i>	Công ty TNHH SCI Nghệ An <i>SCI Nghe An.Ltd</i>
Cấp công trình <i>Classification</i>	Cấp III <i>Class III</i>
Công suất <i>Capacity</i>	7MW
Địa điểm <i>Place</i>	Tỉnh Nghệ An <i>Nghe An Province</i>
Hợp đồng <i>Contract</i>	Tổng thầu EPC <i>EPC Contractor</i>
Giá trị <i>Value</i>	220.000.000.000 VNĐ
Tiến độ <i>Progress</i>	12/2017 - 03/2018

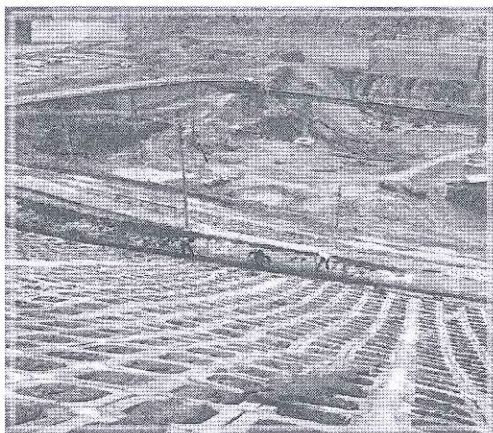
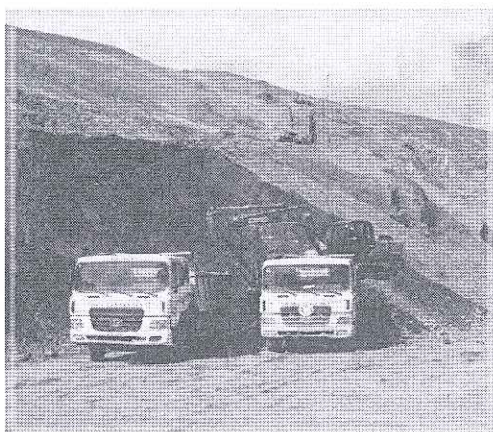




Thủy điện Namtheun 1 <i>Canan 1 Hydro Power Project</i>		
Chủ đầu tư: <i>Investor</i>	Tập đoàn Phonensack <i>Phonensack Group</i>	
Cấp công trình <i>Classification</i>	Cấp I <i>Class I</i>	
Công suất <i>Capacity</i>	650MW	
Địa điểm <i>Place</i>	Nước Lào <i>Laos</i>	
Khối lượng <i>Amount</i>	Đào đắp <i>Excavating, fill</i>	4.800.000 m <sup>3</sup>
	Gia cố mái: <i>Reinforced roof</i>	70.500 m <sup>2</sup>
Giá trị	410.000.000.000 VNĐ	
Tiến độ <i>Progress</i>	Đang thực hiện <i>Ongoing</i>	



Thủy điện Lai Châu <i>Lai Châu Hydro Power Project</i>		
Chủ đầu tư <i>Investor</i>	Tập đoàn điện lực Việt Nam <i>Vietnam Electricity</i>	
Cấp công trình <i>Classification</i>	Cấp đặc biệt <i>Special Class</i>	
Công suất <i>Capacity</i>	1200MW	
Địa điểm <i>Place</i>	Tỉnh Lai Châu <i>Lai Chau Province</i>	
Khối lượng <i>Amount</i>	Đào đất đá: <i>Excavating</i>	3.100.000 m <sup>3</sup>
	Đắp đất đá: <i>Fill earth, stone</i>	280.000 m <sup>3</sup>
Giá trị <i>Value</i>	246.000.000.000 VNĐ	
Tiến độ <i>Progress</i>	2010-2013	

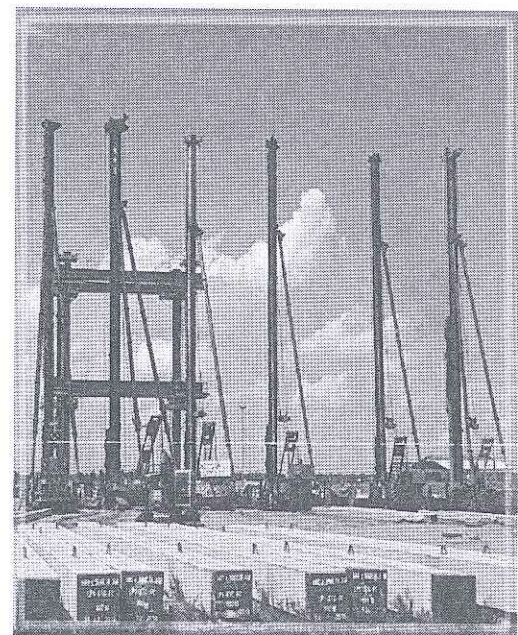
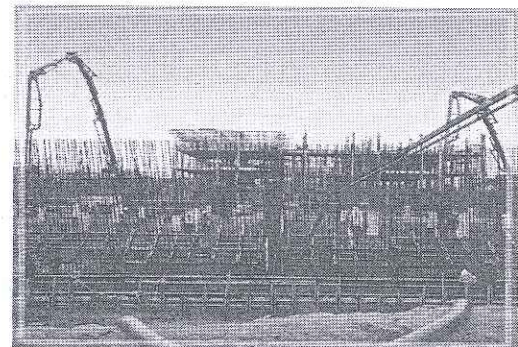




<b>Thủy điện Trung Sơn</b> <i>Lai Châu Hydro Power Project</i>	
Chủ đầu tư <i>Investor</i>	Tập đoàn điện lực Việt Nam <i>Vietnam Electricity</i>
Cấp công trình <i>Classification</i>	Cấp I <i>Class I</i>
Công suất <i>Capacity</i>	260MW
Địa điểm <i>Place</i>	Tỉnh Thanh Hóa <i>Thanh Hóa Province</i>
Khối lượng <i>Amount</i>	Đào: <i>Excavating</i> 1.300.000 m <sup>3</sup>
Giá trị <i>Value</i>	58.000.000.000 VNĐ
Tiến độ <i>Progress</i>	3/2013 - 2/2014

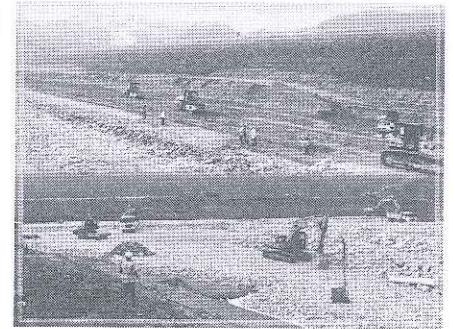


<b>Nhiệt điện Long Phú 1</b> <i>Long Phu 1 Thermal Power Project</i>	
Chủ đầu tư <i>Investor</i>	Tập đoàn Dầu khí quốc gia Việt Nam
Cấp công trình <i>Classification</i>	Cấp I <i>Class I</i>
Công suất <i>Capacity</i>	1.200MW
Địa điểm <i>Place</i>	Tỉnh Sóc Trăng <i>Soc Trang Province</i>
Khối lượng <i>Amount</i>	Cung cấp, đóng cọc BTCT dự ứng lực <i>Fabricating and driving prestressed piles</i> 500.000 md
	Thi công bê tông <i>Concrete work</i> 61.000 m <sup>3</sup>
	Đắp đất, cát <i>Fill earth, sand</i> 860.000 m <sup>3</sup>
Giá trị <i>Value</i>	1.100.000.000.000 VNĐ
Tiến độ <i>Progress</i>	Đang thực hiện <i>Ongoing</i>

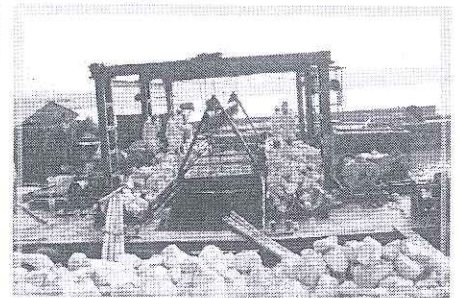




<b>Dự án khai thác và chế biến khoáng sản mỏ Núi Pháo</b> <i>Project of mining and processing minerals at Nui Phao</i>		
Chủ đầu tư <i>Investor</i>	C.ty TNHH khai thác và chế biến khoáng sản mỏ Núi Pháo	
Cấp công trình	Cấp đặc biệt <i>Class Special</i>	
Địa điểm <i>Place</i>	Tỉnh Thái Nguyên <i>Thai Nguyen Province</i>	
Khối lượng <i>Amount</i>	Đắp đập OTC, STC (Đắp đá) <i>Banking up OTC, STC dams (Fill Stone)</i>	1.600.000 m <sup>3</sup>
Giá trị <i>Value</i>	140.000.000.000 VNĐ	
Tiến độ <i>Progress</i>	9/2013 – 5/2015	

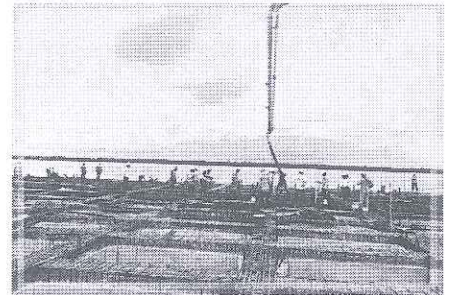


<b>Gói thầu CV-A1m-NDTDP ĐA phát triển GTVT khu vực đồng bằng Bắc Bộ</b> <i>CV-A1m-NDTDP Package / Northern Delta Transport Development Project</i>		
Chủ đầu tư <i>Investor</i>	Bộ Giao thông vận tải <i>Ministry of Transport</i>	
Cấp công trình <i>Classification</i>	Công trình giao thông đường thủy nội địa Cấp II	
Địa điểm <i>Place</i>	TP.Hà Nội <i>Hà Noi</i>	
Khối lượng <i>Amount</i>	Cung cấp, đóng cừ dự ứng lực SW500B <i>Fabricating and driving prestressed piles SW500B</i>	12.000md
Giá trị <i>Value</i>	74.600.000.000 VNĐ	
Tiến độ <i>Progress</i>	6/2012 – 6/2014	





<b>Gói thầu Cảng nhận thiết bị - Dự án Nhiệt điện Long Phú 1</b> <b>Construction of equipment wharf - Long Phu 1 Thermal Power Project</b>		
Chủ đầu tư <i>Investor</i>	Tập đoàn Dầu khí quốc gia Việt Nam <i>Vietnam Oil And Gas Group</i>	
Địa điểm <i>Place</i>	Tỉnh Sóc Trăng <i>Soc Trang Province</i>	
Công việc <i>Works</i>	Xây dựng cảng nhận thiết bị <i>Construction of equipment wharf</i>	
Khối lượng <i>Amount</i>	Bê tông <i>Concrete</i>	2.800 m <sup>3</sup>
	Đóng cọc BTCT dự ứng lực D500 <i>Driving prestressed piles D500</i>	12.500 md
Giá trị / <i>Value</i>	55.000.000.000 VNĐ	
Tiến độ/ <i>Progress</i>	01/2015 -02/2016	



<b>Gói thầu CV-A2.2b-NDTDP DA phát triển GTVT khu vực đồng bằng Bắc Bộ</b> <b>CV-A2.2b-NDTDP Package / Northern Delta Transport Development Project</b>		
Chủ đầu tư <i>Investor</i>	Bộ Giao thông vận tải <i>Ministry of Transport</i>	
Cấp công trình <i>Classification</i>	Công trình luồng cấp I <i>Class I</i>	
Địa điểm <i>Place</i>	Tỉnh Nam Định <i>Nam Dinh Province</i>	
Công việc <i>Works</i>	Xây dựng kè và đê chắn sóng cửa sông Ninh Cơ	
Khối lượng <i>Amount</i>	Hạo đúc sẵn <i>Hạo blocks</i>	5.000 block
Giá trị / <i>Value</i>	77.000.000.000 VNĐ	
Tiến độ/ <i>Progress</i>	12/2013 -10/2015	

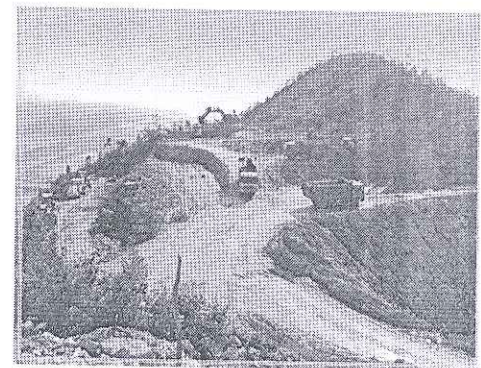




Dự án nâng cấp, mở rộng quốc lộ 1A – đoạn Phú Yên <i>Upgrading and Expanding 1A highway project - section Phu Yen</i>		
Chủ đầu tư <i>Investor</i>	Bộ Giao thông Vận tải <i>Ministry of Transport</i>	
Cấp công trình	Cấp II <i>Class II</i>	
Địa điểm <i>Place</i>	Tỉnh Phú Yên <i>Phu Yen Province</i>	
Công việc <i>Works</i>	Thi công công trình trên tuyến <i>Constructing road and ancillary items</i>	
Khối lượng <i>Amount</i>	Chiều dài <i>Long</i>	3300md
	Bê tông Asphalt <i>Asphalt</i>	59.600m <sup>2</sup>
Giá trị / <i>Value</i>	61.300.000.000 VNĐ	
Tiến độ/ <i>Progress</i>	01/2014 – 08/2015	



Dự án đường Hồ Chí Minh đoạn La Sơn – Túy Loan <i>Ho Chi Minh Road project - La Son – Tuy Loan section</i>		
Chủ đầu tư <i>Investor</i>	Công ty TNHH Đầu tư BT Cam Lộ - Túy Loan	
Cấp công trình	Cấp I <i>Class I</i>	
Địa điểm <i>Place</i>	Tỉnh Đà Nẵng <i>Da Nang Province</i>	
Công việc <i>Works</i>	Thi công công trình trên tuyến <i>Constructing road and ancillary items</i>	
Khối lượng <i>Amount</i>	Chiều dài <i>Long</i>	1500md
	Giá trị / <i>Value</i>	41.000.000.000 VNĐ
Tiến độ/ <i>Progress</i>	2015 - 2016	



## 6. Định hướng phát triển

### 6.1. Chính sách chất lượng

“Chất lượng cho từng sản phẩm” luôn luôn là mục tiêu phấn đấu của Công ty cổ phần SCI E&C (SCI E&C), là uy tín, danh dự để công ty tồn tại và phát triển. Bằng những bước đi vững chắc, những điều SCI E&C muốn mang đến cho khách hàng mỗi ngày chính là sự tin tưởng cho từng dự án mọi lúc và mọi nơi. Công ty luôn không ngừng cải tiến và nâng cao



chất lượng công trình cung cấp cho khách hàng, đặt lợi ích của khách hàng và cộng đồng lên hàng đầu.

Để đảm bảo được chất lượng tốt nhất cho mỗi công trình Công ty tạo ra, Chúng tôi cam kết thiết lập và duy trì Hệ thống quản lý chất lượng đáp ứng theo các yêu cầu của Tiêu chuẩn quốc tế ISO 9001:2008, và cải tiến thường xuyên tính hiệu lực của Hệ thống chất lượng.

Xây dựng, duy trì, phát triển đội ngũ nhân viên giàu nhiệt huyết, chuyên môn cao, làm việc chuyên nghiệp không ngừng phấn đấu vì mục tiêu chất lượng công trình.

Phương châm công ty đề ra :

- i. Cung cấp các công trình xây dựng đảm bảo đạt “An toàn - Chất lượng - Tiến độ” và không ngừng cải tiến để đáp ứng tối đa yêu cầu của khách hàng.
- ii. Nâng cao sự hài lòng của khách hàng bằng việc liên tục cải tiến hệ thống quản lý chất lượng và chất lượng sản phẩm theo nhu cầu ngày càng cao của khách hàng.
- iii. Tạo niềm tin và uy tín đối với khách hàng thông qua việc cung cấp các sản phẩm có chất lượng tốt, ổn định đáp ứng, thoả mãn các yêu cầu của khách hàng cũng như các yêu cầu của Luật pháp.

### 6.2. Chiến lược phát triển trung và dài hạn

Trong suốt quá trình phát triển của mình, Công ty luôn giữ vững phương châm “Chất lượng và đảm bảo tiến độ là thương hiệu”, để đạt được điều đó Công ty đã không ngừng đầu tư công nghệ, đào tạo nâng cao trình độ nguồn nhân lực. Công ty luôn đưa ra những quyết sách phù hợp với tình hình thực tế từng thời kỳ để giữ vững vị thế là một trong những công ty hàng đầu về lĩnh vực thi công các công trình thủy lợi, thủy điện. Bên cạnh đó, Công ty cũng chú trọng vào các lĩnh vực khác như: kinh doanh sản xuất các sản phẩm cơ khí công trình, cung cấp sấm lớp... góp phần nâng cao doanh thu cho công ty. Cụ thể như sau:

- Tập trung thi công các công trình đã ký kết, đảm bảo đúng tiến độ, đúng chất lượng kỹ thuật.
- Nhanh chóng nghiệm thu các công trình đã hoàn thành, thúc đẩy quá trình thu hồi vốn để tái sản xuất.
- Nghiên cứu công nghệ mới, phục vụ cho quá trình thi công.
- Nâng cao hơn nữa hoạt động Marketing trong thời gian tới, tham gia đấu thầu các công trình, các dự án trọng điểm, đặc biệt là các dự án về Thủy điện.

### 6.3. Mục tiêu phát triển trong năm 2018

Năm 2018, theo xác định của Công ty là một năm mang tính chất bản lề, quan trọng để Công ty thực hiện theo chiến lược phát triển trung hạn. Để thực hiện được điều đó, Công ty tiếp tục tuyển dụng, đào tạo nâng cao trình độ kỹ năng, tay nghề của nguồn nhân lực cũng như đầu tư dây chuyền, thiết bị và công nghệ thi công trong lĩnh vực thi công xây lắp hạ tầng kỹ thuật và giao thông:

- Khẳng định hơn nữa thương hiệu Công ty trong lĩnh vực thi công cơ giới các công trình nhiệt điện, thủy lợi và thủy điện và các công trình khác bằng việc thi công đảm bảo tiến độ,



chất lượng, hiệu quả và an toàn các công trình: công trình thủy điện Nậm Lùm, Thủy điện Nam Theun, Công trình thủy điện Canan 1,2, Công trình nhiệt điện Long Phú...

- Đầu tư xe máy, thiết bị, công nghệ phục vụ thi công công trình thủy điện Cana 1,2; đầu tư dây chuyền, thiết bị thi công móng mặt đường, trạm trộn asphalt và các công nghệ thi công hiện đại để phục vụ thi công dự án Thủy điện Nậm Lùm. Bên cạnh đó cũng tăng cường đào tạo, thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao để phục vụ thi công các công trình này. Bằng việc thực hiện thi công tốt các công trình này, Công ty sẽ bước đầu khẳng định được thương hiệu, vị thế trong lĩnh vực thi công công trình Hạ tầng kỹ thuật và giao thông.
- Tiếp tục cải tiến quy trình quản lý, sản xuất và mở rộng thị trường cho lĩnh vực sản xuất, gia công cơ khí để đảm bảo hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Tiếp thị, mở rộng thị trường cho việc kinh doanh dịch vụ: cung cấp sấm lốp và xi măng cho các Công ty, đơn vị đồng thời mở rộng ra cung cấp các sản phẩm bê tông dự ứng lực, bê tông đúc sẵn cho các dự án Toàn quốc.
- Tăng cường quản lý, ứng dụng tiến bộ trong lĩnh vực công nghệ thông tin vào quản lý để nhằm nâng cao hiệu quả cũng như giảm chi phí trong việc quản lý xe máy, thiết bị thi công của công ty qua đó nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty.

Việc thực hiện thành công kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh năm 2017 sẽ là tiền đề, cơ sở quan trọng để thực hiện định hướng, chiến lược phát triển của Công ty, tạo đà cho sự phát triển lâu dài và bền vững, tạo nên và khẳng định một thương hiệu Công ty lớn mạnh.

## 7. Các rủi ro

### 7.1. Rủi ro về kinh tế

Sự phát triển của nền kinh tế sẽ tác động đến mọi lĩnh vực, ngành nghề và đối tượng trong nền kinh tế, trong đó có Công ty Cổ phần SCI E&C. Các chỉ số kinh tế vĩ mô chính thường được sử dụng để đánh giá sự phát triển của nền kinh tế một quốc gia bao gồm: tốc độ tăng trưởng GDP, lạm phát, lãi suất, tỷ giá hối đoái....

#### ❖ Rủi ro tăng trưởng

- Sự phát triển của ngành xây dựng phụ thuộc nhiều vào tốc độ tăng trưởng kinh tế. Khi nền kinh tế có dấu hiệu phục hồi trở lại, Chính phủ sẽ tăng mức giải ngân vào lĩnh vực xây dựng, đặc biệt là xây dựng cơ sở hạ tầng. Cùng với đó là sự đầu tư mạnh mẽ của các doanh nghiệp FDI trong thời gian gần đây cũng đã góp phần khiến giá trị ngành xây dựng tăng mạnh. Hơn thế, kinh tế khởi sắc cũng giúp cho ngành bất động sản ấm lên, tạo động lực cho các chủ đầu tư quay trở lại hoàn thiện tiếp dự án bị đình trệ và phát triển thêm những dự án mới khác.
- Như vậy, triển vọng tích cực của nền kinh tế sẽ làm giảm rủi ro kinh tế đối với các doanh nghiệp nói chung và CTCP Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9 nói riêng.

#### ❖ Lạm phát

- Công ty Cổ phần SCI E&C là doanh nghiệp sản xuất nên luôn chịu tác động trực tiếp từ tỷ lệ lạm phát. Sự biến động của lạm phát trong 2012-2017 đã ảnh hưởng trực tiếp tới



giá cả đầu vào, cũng như nhu cầu tiêu thụ sản phẩm đầu ra của Công ty. Để hạn chế rủi ro về lạm phát, Công ty luôn chủ động trong việc ký các hợp đồng cung cấp nguyên nhiên vật liệu đầu vào với các nhà cung cấp truyền thống và có kế hoạch chủ động điều chỉnh giá bán cho khách hàng dựa trên những dự báo về tình hình lạm phát.

❖ **Lãi suất**

Hiện nay, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam tiếp tục điều hành chính sách lãi suất theo hướng giảm dần, phù hợp với diễn biến kinh tế vĩ mô, tiền tệ và đặc biệt là lạm phát để giảm mặt bằng lãi suất cho vay, góp phần tháo gỡ khó khăn cho nền kinh tế nói chung và các doanh nghiệp nói riêng. Từ đầu năm 2013 đến nay, mặt bằng lãi suất huy động đã giảm mạnh, từ đó các doanh nghiệp trong nước có thể tiếp cận được vốn vay với chi phí lãi vay rẻ hơn. Từ mức lãi suất trên 20% những năm 2010 – 2011, lãi suất cho vay thời điểm cuối năm 2017 đã giảm mạnh xuống phổ biến ở mức 8-9 %/ năm.

Công ty Cổ phần SCI E&C có sử dụng vốn vay ngân hàng để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Biến động lãi suất theo xu hướng giảm trong những năm gần đây có tác dụng tích cực, góp phần làm giảm chi phí lãi vay ngân hàng và tăng lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

❖ **Tỷ giá hối đoái**

Là rủi ro xảy ra khi các giao dịch kinh tế được thực hiện bằng ngoại tệ và tỷ giá hối đoái biến động theo hướng bất lợi cho doanh nghiệp.

Công ty thực hiện một số giao dịch có gốc ngoại tệ. Do vậy các biến động tỷ giá hối đoái sẽ làm thay đổi chi phí sản xuất (tính ra đồng Việt Nam) của Công ty.

**7.2. Rủi ro pháp luật**

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chịu sự chi phối bởi hệ thống pháp luật và chính sách của Nhà nước, bao gồm: Luật Doanh nghiệp, các văn bản pháp luật về chứng khoán, các chính sách thuế, các cam kết hội nhập, các luật về đất đai, xây dựng, môi trường,... Đồng thời, Công ty cũng chịu ảnh hưởng lớn từ các chính sách Nhà nước như định hướng phát triển ngành Xây dựng, những ưu đãi, khuyến khích hay hạn chế, các chính sách về thuế và quản lý môi trường. Bất kỳ một sự thay đổi nào trong các chính sách trên đều có thể ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, gây ra biến động trong lợi nhuận.

Tuy nhiên, hiện nay hệ thống Pháp luật Việt Nam vẫn đang trong quá trình hoàn thiện nên sự thay đổi về chính sách luôn có thể xảy ra, sự thay đổi có thể mang đến những thuận lợi nhưng cũng có thể tạo ra những bất lợi cho hoạt động kinh doanh của Công ty. Do đó, để hạn chế rủi ro này, Công ty phải thường xuyên theo dõi, cập nhật kịp thời những thay đổi trong môi trường pháp luật để định hoạt động kinh doanh cho phù hợp.

**7.3. Rủi ro đặc thù**

❖ **Rủi ro biến động giá nhiên liệu đầu vào**

Công nghệ thi công của Công ty chủ yếu dựa vào hệ thống máy móc thiết bị cơ giới hạng nặng. Để vận hành và sử dụng các thiết bị này, nhiên liệu đầu vào là yếu tố không thể thiếu. Hiện nay, nguồn nhiên liệu sử dụng trong nền kinh tế phần lớn phụ thuộc vào nhập khẩu. Trong thời gian qua, giá cả các loại nhiên liệu nhập khẩu biến động thất thường, chủ



yếu là do những bất ổn về chính trị tại một số khu vực trên thế giới, hoặc do sự thay đổi trong chính sách khai thác, dự trữ nhiên liệu của một số quốc gia có nền công nghiệp dầu mỏ hoặc nền kinh tế phát triển. Để hạn chế ảnh hưởng tiêu cực của giá cả vật tư, nhiên liệu đầu vào đến kết quả kinh doanh, Công ty đã thực hiện ký kết các hợp đồng xây lắp có điều chỉnh giá trong những trường hợp giá cả các loại vật tư, nhiên liệu đầu vào biến động. Mặc dù vậy, có thể nói đây vẫn là rủi ro lớn đối với hoạt động kinh doanh của Công ty.

❖ **Rủi ro khoản phải thu khó đòi**

Do đặc điểm của ngành xây dựng, các công trình thi công thường kéo dài qua nhiều năm, thời gian quyết toán, hoàn thiện hồ sơ thi công giữa các bên và thời gian thanh toán các công trình, hạng mục công trình kéo dài. Đặc điểm này tiềm ẩn rủi ro tài chính và khả năng trả nợ của Công ty khi có khách hàng bị phá sản, mất khả năng thanh toán, hoặc khi các công trình thi công bị thiệt hại do các nguyên nhân khách quan... Để giảm thiểu rủi ro này, công ty sẽ đánh giá kỹ các công trình thực hiện và năng lực tài chính của chủ đầu tư, yêu cầu chủ đầu tư ứng trước theo từng giai đoạn công trình.

❖ **Rủi ro vận hành**

Để đáp ứng yêu cầu của khách hàng, chủ đầu tư về tiến độ thi công các công trình, hạng mục công trình, nhiều khi Công ty phải tiến hành thi công xây dựng trong những điều kiện thời tiết xấu, địa hình phức tạp, có thể xảy ra tai nạn lao động, hỏng hóc và ngưng trệ hoạt động máy móc thiết bị, gián đoạn quá trình thi công, ảnh hưởng không nhỏ đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

**7.4. Rủi ro khác**

Các rủi ro nằm ngoài khả năng dự báo và vượt quá khả năng phòng chống của con người như động đất, hỏa hoạn, chiến tranh, dịch bệnh,... đều gây ảnh hưởng ít nhiều đến hoạt động của Công ty. Để hạn chế tối đa những thiệt hại có thể xảy ra, Công ty cũng đã xem xét và xây dựng một số kịch bản phòng ngừa rủi ro bất khả kháng nhằm giảm thiểu tối đa rủi ro cho Công ty và đảm bảo tính hoạt động liên tục.

**I. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM**

**1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh**

Năm 2017 là một năm có nhiều khó khăn cho ngành xây lắp, nhưng ngay từ khi xây dựng kế hoạch Công ty đã phân tích và định hướng mục tiêu phù hợp với tình hình kinh tế xã hội, dừng và giãn các dự án đầu tư, tập trung cho công tác xây lắp, tìm kiếm và bám các công trình dự án mới có kế hoạch nguồn vốn cụ thể; Phân công cụ thể, quyết liệt bám sát chỉ đạo và thực hiện triển khai theo kế hoạch từng tháng, quý... Do vậy kết quả năm 2017 các chỉ tiêu giá trị sản lượng và doanh số đều hoàn thành vượt mức kế hoạch.

*Hoạt động thi công xây lắp:*

Công ty đã tham gia thực hiện thi công nhiều phần việc trên những công trình trọng điểm của đất nước như: Thi công cải tạo đường sông Ninh Cơ – Nam Định, Thi công nâng cấp mạng lưới giao thông Bắc Lào tại tỉnh Huaphan – Lào, Thi công một phần hạng mục Công trình dự án khai thác và chế biến khoáng sản Núi Pháo – Thái Nguyên, Thi công gói



thầu San lấp mặt bằng và xây dựng hàng rào khu vực Dự án Sân phân phối 500KV và 220KV Trung tâm điện lực Long Phú, Thi công đào, đắp đất đá các hạng mục chính thuộc gói thầu XD01, XD02, XD03 – Dự án thủy điện Bắc Mê, Thi công xây lắp đoạn Km 1283+250 – Km 1293+ 800 thuộc Dự án đầu tư xây dựng công trình mở rộng Quốc lộ 1 đoạn từ Km 1265 + 00 đến Km 1353 +300 tỉnh Phú Yên, đường Hồ Chí Minh đoạn Đà Nẵng, Dự án thủy điện Ca Nan, Nhiệt điện Long Phú, công trình giao thông Lào.

*Kết quả thực hiện so với kế hoạch năm:*

*Một số chỉ tiêu chủ yếu:*

TT	Chỉ tiêu	Đvt	Thực hiện năm 2017	Tỷ lệ % thực hiện năm 2017	
				so với kế hoạch năm 2017	so với thực hiện năm 2016
1	Giá trị sản xuất kinh doanh	10 <sup>6</sup> đ	1.039	112	235
2	Doanh thu	10 <sup>6</sup> đ	876,8	103,4	244
3	Tiền về tài khoản	10 <sup>6</sup> đ	827,1	87	214
4	Lợi nhuận trước thuế	10 <sup>6</sup> đ	19,2	106,6	380
5	Thu nhập bình quân người /tháng	10 <sup>3</sup> đ	10,2	120	116

Tình hình thực hiện so với kế hoạch:

Toàn bộ các chỉ tiêu chủ yếu như giá trị sản xuất kinh doanh, tổng doanh thu, lợi nhuận, tiền về tài khoản và Thu nhập bình quân đầu người đều hoàn thành vượt mức kế hoạch năm và có tăng trưởng vượt bậc so với năm 2016.

Nguyên nhân chủ yếu là do Công ty đã quyết liệt bám sát chỉ đạo thực hiện tốt kế hoạch tiến độ thi công, sản xuất xây lắp từ các công trình; thường xuyên thực hiện các biện pháp giám sát thực hiện để tiết kiệm chi phí sản xuất kinh doanh; bám sát thu vốn theo tiến độ đã được chủ đầu tư ký kết. Chính vì vậy, mặc dù trong năm 2017 gặp nhiều khó khăn nhưng lợi nhuận trước thuế vẫn có tăng trưởng đáng kể so với năm 2016.

## 2. Tổ chức và nhân sự

### 2.1 Hội đồng quản trị

- Ông Nguyễn Công Hùng      Chủ tịch HĐQT
- Ông Nguyễn Chính Đại      Thành viên HĐQT
- Ông Hoàng Công Tuấn      Thành viên HĐQT
- Ông Lương Thanh Tùng      Thành viên HĐQT
- Ông Triệu Quang Hà      Thành viên HĐQT

#### ❖ Sơ yếu lý lịch của Hội đồng quản trị



- ✦ Ông Nguyễn Công Hùng                      Chủ tịch HĐQT**
- Giới tính: Nam.
  - Ngày tháng năm sinh: 21/8/1978.
  - Nơi sinh: Hải Lâm, Hải Lăng, Quảng Trị.
  - Số CMTND: 017389016 ngày cấp: 19/5/2012 tại CA Hà Nội.
  - Quốc tịch: Việt Nam.
  - Dân tộc: Kinh.
  - Quê quán: Hải Lâm, Hải Lăng, Quảng Trị.
  - Địa chỉ thường trú: P1012, CT3B Khu đô thị Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội
  - Trình độ văn hóa: 12/12.
  - Trình độ chuyên môn: Kỹ sư xây dựng.
  - Các nghề nghiệp và chức vụ đã qua:
    - + 2004 ÷ 2005: Trưởng phòng Kỹ thuật Công ty cổ phần Sông Đà 909.
    - + 2005 ÷ 2009: Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần Sông Đà 909 kiêm Giám đốc Xí nghiệp 1.
    - + 2009 ÷ 5/2010: Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần Xây lắp Dầu khí 1.
    - + 05/2010 ÷ 17/04/2014: Giám đốc Công ty cổ phần Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9.
    - + 18/04/2014 đến 15/01/2015: Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc Công ty cổ phần Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9.
    - + 16/01/2015 đến nay: Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty CP SCI E&C.
  - Chức vụ hiện nay tại Công ty: Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty CP SCI E&C.
  - Chức vụ tại các tổ chức khác: Chủ tịch hội đồng quản trị Công ty Cổ phần SCI
  - Số cổ phần nắm giữ: 268.845 cổ phần.
  - Trong đó:
    - + Sở hữu cá nhân: 268.845 cổ phần.
    - + Đại diện sở hữu: 0 cổ phần.
  - Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu: Không
  - Hành vi vi phạm pháp luật: Không.
  - Các khoản nợ đối với Công ty: Không.
  - Lợi ích liên quan tới Công ty: Không.
- ✦ Ông Nguyễn Chính Đại                      Thành viên HĐQT**
- Giới tính: Nam.
  - Ngày tháng năm sinh: 21/04/1978.
  - Nơi sinh: Phú xuyên, TP. Hà Nội.
  - Số CMTND: 013025232 ngày cấp: 28/11/2008 tại CA TP Hà Nội.
  - Quốc tịch: Việt Nam.
  - Dân tộc: Kinh.











- + Từ tháng 4/2010 đến tháng 7/2010 : Kiêm nhiệm Ủy viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần tư vấn Sông Đà.
  - + Từ tháng 8/2010 đến 28/01/2015: Phó tổng giám đốc Công ty cổ phần xi măng Hạ Long
  - + Từ tháng 01/2010 đến 06/2015: Phó tổng giám đốc Công ty cổ phần xi măng Hạ Long
  - + 01/2015 đến nay: Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9
  - + 04/2015 đến nay: Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần SCI
  - + 06/2015 đến nay: Tổng giám đốc Công ty Cổ phần SCI
  - Chức vụ tại các tổ chức khác: Tổng giám đốc Công ty Cổ phần SCI
  - Số cổ phần nắm giữ: 1.500.000 cổ phần.
- Trong đó:
- + Sở hữu: 0 cổ phần.
  - + Đại diện sở hữu: 1.500.000 cổ phần.
  - Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu: Không.
  - Hành vi vi phạm pháp luật: Không.
  - Các khoản nợ đối với Công ty: Không.
  - Lợi ích liên quan tới Công ty: Không.

**Ông Triệu Quang Hà** **Thành viên HĐQT**

- Giới tính: Nam.
- Ngày tháng năm sinh: 03/09/1975
- Nơi sinh: Thanh Hóa
- Số CMND: 012863658
- Quốc tịch: Việt Nam.
- Dân tộc: Kinh.
- Quê quán:
- Địa chỉ thường trú: 19 ngách 612/54 Đê La Thành, Giảng Võ, Ba Đình, Hà Nội
- Trình độ học vấn: Huấn luyện viên bóng đá
- Các nghề nghiệp và chức vụ đã qua:
  - + Từ tháng 1993 - 2003: Huấn luyện viên CLB Bóng đá Thể công và Đội tuyển Quốc gia
  - + Từ tháng 2006 – 2008: Huấn luyện viên CLB bóng đá TNT
  - + Từ tháng 2010 - 2011: Huấn luyện viên Đội bóng đá U19 Quốc gia
  - + Từ tháng 2011 - 2012: Huấn luyện viên CLB Bóng đá Thanh Hóa.
  - + Từ 2013 đến nay: Giám đốc công ty cổ phần đào tạo và phát triển thể thao Quang Hà







- + Từ 29/01/2015 đến nay: Trưởng Ban kiểm soát Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Sông Đà 9.
- Chức vụ hiện nay tại Công ty: Trưởng Ban kiểm soát Công ty CP SCI E&C.
- Chức vụ tại các tổ chức khác: Phó Kế toán trưởng Cty CP Đầu tư và Xây dựng Bưu Điện
- Số cổ phần nắm giữ: 0 cổ phần.  
Trong đó:
  - + Sở hữu: 0 cổ phần.
  - + Đại diện sở hữu: 0 cổ phần.
- Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu: Không.
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không.
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không.
- Lợi ích liên quan tới Công ty: Không.

**♣ Ông Cao Lữ Phi Hùng** **Thành viên Ban kiểm soát**

- Giới tính: Nam
- Ngày sinh : 12/01/1987
- Nơi sinh: Đông Hà, Quảng Trị
- Số CMTND: 197196172 ngày cấp 18/07/2012 nơi cấp: CA Hà Nội.
- Quốc tịch: Việt Nam.
- Dân tộc: Kinh.
- Quê quán: Đông Hà, Quảng Trị
- Địa chỉ thường trú: Đông Hà, Quảng Trị
- Trình độ văn hóa: 12/12.
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ chuyên ngành tài chính kế toán
- Các nghề nghiệp và chức vụ đã qua:
  - + 06/2010 đến 06/2012: Chuyên viên kiểm toán Công ty TNHH hãng kiểm toán AASC.
  - + 07/2012 đến 03/2013: Chuyên viên Công ty Cổ phần đầu tư tài chính VABE
  - + 04/2013 đến 05/2014: Chuyên viên tại Trường đại học kinh tế - Đại học quốc gia Hà Nội
  - + 06/2014 đến 07/2014: Nhân viên phòng tài chính kế toán Công ty CP Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9
  - + 07/2014 đến 12/2014: Nhân viên phòng tài chính kế toán Công ty CP Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9 kiêm TV.BKS Công ty CP SCI
  - + 01/2015 đến 06/2015: Phó kế toán trưởng Công ty CP Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9 kiêm TV.BKS Công ty CP SCI
  - + 06/2015 đến 07/2015: Phó kế toán trưởng Công ty CP SCI
  - 07/2015 đến nay: TV.BKS Công ty CP SCI E&C



- Chức vụ hiện nay tại Công ty: Thành viên Ban kiểm soát Công ty CP SCI E&C.
- Chức vụ tại các tổ chức khác: Không
- Số cổ phần nắm giữ: 0 cổ phần.
- Trong đó:
  - + Sở hữu: 0 cổ phần.
  - + Đại diện sở hữu: 0 cổ phần.
- Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu: Không.
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không.
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không.
- Lợi ích liên quan tới Công ty: Không.

**✦ Bà Quách Thị Thanh Thủy                      Thành viên Ban kiểm soát**

- Giới tính:                      Nữ.
- Ngày tháng năm sinh: 06/04/1988.
- Nơi sinh:                      Đan Phượng, Hà Nội.
- Số CMTND:                      112243313 ngày cấp 14/06/2005 nơi cấp: CA Hà Tây.
- Quốc tịch:                      Việt Nam.
- Dân tộc:                      Kinh.
- Quê quán:                      Đan Phượng, Hà Nội.
- Địa chỉ thường trú:              Tân Lập, Đan Phượng, Hà Nội
- Trình độ văn hóa:              12/12.
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân chuyên ngành Kế toán Kiểm toán – Học viện Tài Chính.
- Các nghề nghiệp và chức vụ đã qua:
  - + 6/2010 - 06/2015: Kiểm toán viên / Trợ lý kiểm toán Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC.
  - + 07/2015 - nay: Kế toán tổng hợp Công ty Cổ phần SCI.
  - + 12/2015 - nay: Kế toán trưởng Công ty Cổ phần SCI Lai Châu.
- Chức vụ hiện nay tại Công ty: Thành viên Ban kiểm soát Công ty CP SCI E&C.
- Chức vụ tại các tổ chức khác: Kế toán trưởng Công ty Cổ phần SCI Lai Châu.
- Số cổ phần nắm giữ: 0 cổ phần.
- Trong đó:
  - + Sở hữu: 0 cổ phần.
  - + Đại diện sở hữu: 0 cổ phần.
- Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu: Không.
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không.
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không.
- Lợi ích liên quan tới Công ty: Không.



### 2.3 Ban giám đốc

- Ông Nguyễn Chính Đại                      Giám đốc
- Ông Phan Thanh Hải                      Phó giám đốc
- Ông Hoàng Công Tuấn                      Phó giám đốc
- Ông Nguyễn Quang Hưng                      Phó giám đốc
- Ông Nguyễn Cao Hải                      Phó giám đốc

#### ❖ Sơ yếu lý lịch của Ban Giám đốc

- ⚡ Ông Nguyễn Chính Đại                      Giám đốc (như trên)
- ⚡ Ông Hoàng Công Tuấn                      Phó giám đốc (như trên)
- ⚡ Ông Phan Thanh Hải                      Phó giám đốc

- Giới tính:                      Nam.
- Ngày tháng năm sinh: 07/01/1984
- Nơi sinh:                      Quỳnh Châu - Nghệ An
- Số CMTND:                      040084000004
- Quốc tịch:                      Việt Nam.
- Dân tộc:                      Kinh.
- Quê quán:                      Quỳnh Châu - Nghệ An
- Địa chỉ thường trú:                      P1909 - Tòa K - Khu đô thị Dương Nội - HĐ - HN.
- Trình độ văn hóa:                      12/12.
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế.
- Các nghề nghiệp và chức vụ đã qua:
  - + Từ 8/2007 ÷ 12/2008: Kỹ sư Công ty TNHH hệ thống thông tin FPT
  - + Từ 01/2009 ÷ 8/2010: Kỹ sư Công ty cổ phần hệ thống thông tin FPT – 101 Láng Hạ
  - + Từ 9/2010 đến 6/2011: NV.TCKT Công ty cổ phần Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9
  - + Từ 07/2011 đến 7/2012: Phó P.TCHC Công ty cổ phần Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9
  - + Từ 08/2012 đến 04/2014: Đội phó Đội XL số 1 Công ty cổ phần Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9
  - + Từ 05/2014 đến 05/2015: TV BKS – Trợ lý giám đốc Công ty cổ phần Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9
  - + Từ 05/2015 đến 12/2016: Phó P.TCKT Công ty cổ phần Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9
  - + Từ 12/2016 đến 12/2017: Trưởng P.TCKT Công ty CP SCI E&C
  - + Từ 12/2017 đến 5/2018: Phó Giám đốc Công ty CP SCI E&C
  - + Từ 05/2018 đến nay: Giám đốc Công ty CP SCI E&C



- Chức vụ hiện tại tại công ty: Giám đốc Công ty CP SCI E&C.
- Chức vụ tại các tổ chức khác: Không
- Số cổ phần nắm giữ: 0 cổ phần.  
Trong đó:
  - + Sở hữu: 0 cổ phần.
  - + Đại diện sở hữu: 0 cổ phần.
- Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu: Không.
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không.
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không.
- Lợi ích liên quan tới Công ty: Không.

**✚ Nguyễn Cao Hải Phó Giám đốc**

- Giới tính: Nam.
- Ngày tháng năm sinh: 20/08/1979
- Nơi sinh: Tây Giang, Tiên Hải, Thái Bình.
- Số CMTND: 151267376
- Quốc tịch: Việt Nam.
- Dân tộc: Kinh.
- Quê quán: Tây Giang, Tiên Hải, Thái Bình.
- Địa chỉ thường trú: Tây Giang, Tiên Hải, Thái Bình.
- Trình độ văn hóa: 12/12.
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư xây dựng đường bộ.
- Các nghề nghiệp và chức vụ đã qua:
  - + 6/2002÷8/2004: Chuyên viên phòng Kỹ thuật tổng công ty cổ phần thương mại xây dựng
  - + 9/2004÷05/2009: Đội trưởng thi công tổng công ty cổ phần thương mại xây dựng
  - + 05/2009÷9/2009: Phó giám đốc công ty CP ĐT& XD điện Long Hội – Thuộc Tổng công ty CP thương mại xây dựng
  - + 9/2009÷5/2010: Giám đốc công ty CP ĐT& XD điện Long Hội – Thuộc Tổng công ty CP thương mại xây dựng
  - + 6/2010÷01/2012: Đội trưởng thi công công ty CP XD & ĐT Sông Đà 9
  - + 03/2012÷11/2013: Phó phòng kỹ thuật công ty cổ phần Sông Đà 9
  - + 11/2013÷08/2015: Phó giám đốc ban điều hành MD2 công ty cổ phần Sông Đà 9
  - + 09/2015÷05/2016: Đội trưởng thi công công ty CP XD & ĐT Sông Đà 9
  - + 05/2016 đến nay: Phó giám đốc Công ty CP SCI E&C
- Chức vụ hiện tại tại công ty: Phó giám đốc Công ty CP SCI E&C.
- Chức vụ tại các tổ chức khác: Không



- Số cổ phần nắm giữ: 0 cổ phần.  
Trong đó:
  - + Sở hữu: 0 cổ phần.
  - + Đại diện sở hữu: 0 cổ phần.
- Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu: Không.
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không.
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không.
- Lợi ích liên quan tới Công ty: Không.
- ✦ **Ông Nguyễn Quang Hưng**                      **Phó Giám đốc**
  - Giới tính:                      Nam.
  - Ngày tháng năm sinh: 13/11/1980.
  - Nơi sinh:                      Cao Dương, Thanh Oai, Hà Nội.
  - Số CMTND:                      111350501 ngày cấp: 28/06/2004 nơi cấp CA tỉnh Hà Tây.
  - Quốc tịch:                      Việt Nam.
  - Dân tộc:                      Kinh.
  - Quê quán:                      Cao Dương, Thanh Oai, Hà Nội.
  - Địa chỉ thường trú:              Phòng 709, Tầng 7, nhà CT1 B1 Khu đô thị Xa La, Hà Đông, Hà Nội.
  - Trình độ văn hóa:              12/12.
  - Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ kỹ thuật - Kỹ sư xây dựng.
  - Các nghề nghiệp và chức vụ đã qua:
    - + 03/2003÷12/2003: Chuyên viên phòng Kỹ thuật, Ban điều hành DATĐ Tuyên Quang;
    - + 2004 ÷ 2009: Trưởng phòng kinh tế kế hoạch - Công ty CP Sông Đà 909;
    - + 2010 ÷ 17/04/2014: Thành viên Ban kiểm soát Công ty, Phó giám đốc Công ty cổ phần Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9;
    - + Từ 18/04/2014 đến nay: Phó giám đốc Công ty CP SCI E&C
  - Chức vụ hiện tại tại công ty: Phó giám đốc Công ty CP SCI E&C.
  - Chức vụ tại các tổ chức khác: Không
  - Số cổ phần nắm giữ: 12.500 cổ phần.  
Trong đó:
    - + Sở hữu: 12.500 cổ phần.
    - + Đại diện sở hữu: 0 cổ phần.
  - Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu: Không.
  - Hành vi vi phạm pháp luật: Không.
  - Các khoản nợ đối với Công ty: Không.
  - Lợi ích liên quan tới Công ty: Không.

#### 2.4 Kế toán trưởng



❖ **Sơ yếu lý lịch của Kế toán trưởng**

✚ **Ông Phan Thanh Hải** **Kế toán trưởng Công ty**

- Giới tính: Nam.
- Ngày tháng năm sinh: 07/01/1984.
- Nơi sinh: Quỳnh Châu, Nghệ An.
- Số CMTND: 040084000004
- ngày cấp: 30/10/2012
- nơi cấp: CSQLHC&TTXH.
- Quốc tịch: Việt Nam.
- Dân tộc: Kinh.
- Quê quán: Quỳnh Châu, Nghệ An.
- Địa chỉ thường trú: Ngọc Trục, Đại Mỗ, Nam Từ Liêm, Hà Nội
- Trình độ văn hóa: 12/12.
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế
- Các nghề nghiệp và chức vụ đã qua:
  - + Từ 8/2007 ÷ 12/2008: Kỹ sư công ty TNHH hệ thống thông tin FPT
  - + Từ 01/2009 ÷ 8/2010: Kỹ sư công ty cổ phần hệ thống thông tin FPT
  - + Từ 9/2010 đến 6/2011: NV P.TCKT công ty cổ phần Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9
  - + Từ 07/2011 đến 7/2012: Phó phòng TCHC công ty cổ phần Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9
  - + Từ 08/2012 đến 04/2014: Đội phó thi công công ty cổ phần Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9
  - + Từ 05/2014 đến 07/2016: TV BKS kiêm trợ lý giám đốc
  - + Từ 07/2016 đến nay: Kế toán trưởng Công ty CP SCI E&C.
  - + Từ 12/2017 đến nay: Phó giám đốc Công ty CP SCI E&C.
- Chức vụ hiện nay tại Công ty : Phó giám đốc Công ty CP SCI E&C.
- Chức vụ tại các tổ chức khác: Không
- Số cổ phần nắm giữ: 1400 cổ phần.
- Trong đó:
  - + Sở hữu: 1400 cổ phần.
  - + Đại diện sở hữu: 0 cổ phần.
- Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu: Không.
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không.
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không.
- Lợi ích liên quan tới Công ty: Không.

**2.5 Cơ cấu nhân sự công ty và chế độ cho người lao động**

**1.1. CHẤT LƯỢNG LAO ĐỘNG**

**1.1.1 BAN LÃNH ĐẠO CÔNG TY**

TT	HỌ VÀ TÊN	NĂM SINH	CHỨC VỤ	TRÌNH ĐỘ
<b>I</b>	<b>Hội đồng quản trị</b>			
1	Nguyễn Công Hùng	1978	Chủ tịch	Kỹ sư xây dựng
2	Hoàng Công Tuấn	1977	Thành viên	Kỹ sư xây dựng
3	Lương Thanh Tùng	1978	Thành viên	Kỹ sư xây dựng
4	Nguyễn Chính Đại	1978	Thành viên	Kỹ sư xây dựng
5	Triệu Quang Hà	1975	Thành viên	Cử nhân luật
<b>II</b>	<b>Ban Giám đốc</b>			
1	Nguyễn Chính Đại	1978	Giám đốc	Kỹ sư xây dựng
2	Hoàng Công Tuấn	1977	Phó giám đốc	Kỹ sư xây dựng
3	Phan Thanh Hải	1984	Phó giám đốc	Cử Nhân Kinh Tế
4	Nguyễn Quang Hưng	1980	Phó giám đốc	Thạc sỹ kỹ thuật
5	Nguyễn Cao Hải	1979	Phó giám đốc	Kỹ sư xây dựng
6	Nguyễn Tuấn Dũng	1980	Phó giám đốc	Kỹ sư xây dựng

**1.1.2. LAO ĐỘNG GIÁN TIẾP**

TT	Nghề nghiệp	Tổng số	Riêng nữ	Trong đó			
				Lãnh đạo		Nhân viên	
				Tổng số	Riêng nữ	Tổng số	Riêng nữ
	<b>Tổng cộng</b>	126	12	11	0	117	12
<b>I</b>	<b>Trên đại học</b>	2	0	2	0	0	0
<b>II</b>	<b>Đại học</b>	97	7	8	0	91	7
1	KS xây dựng	30	0	3	0	27	0
2	KS thủy lợi	20	0	2	0	18	0
3	KS cầu đường	14	0	0	0	14	0
4	KS trắc địa	6	0	0	0	6	0



5	KS địa chất, KS mỏ	2	0	1	0	1	0
6	Kỹ sư máy xây dựng	6	0	1	0	5	0
7	Kỹ sư cảng - đường thủy	5	0	0	0	5	0
8	CN Tài chính	8	5	0	0	8	5
9	Cử nhân kinh tế	6	2	1	0	7	2
<b>III</b>	<b>Cao đẳng</b>	<b>8</b>	<b>1</b>	<b>1</b>	<b>0</b>	<b>7</b>	<b>1</b>
<b>IV</b>	<b>Trung cấp</b>	<b>19</b>	<b>4</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>19</b>	<b>4</b>

### 1.1.3. LAO ĐỘNG TRỰC TIẾP

TT	Nghề nghiệp	Số lượng	Ghi chú
	<b>Tổng cộng</b>	<b>539</b>	
<b>I</b>	<b>Thợ vận hành máy</b>	<b>337</b>	
1	Lái ô tô	128	
2	Thợ vận hành máy xúc	57	
3	Thợ vận hành máy ủi	17	
4	Thợ vận hành máy lu	20	
5	Thợ vận hành máy san, rải	9	
6	Thợ vận hành trạm trộn	39	
7	Thợ vận hành cần cẩu	14	
8	Thợ vận hành máy khác	24	
9	Thợ vận hành tàu kéo, salan	4	
10	Thợ vận hành máy đóng cọc	4	
11	Thợ vận hành máy khoan	8	
12	Thợ vận hành trạm nghiền	13	

<b>II</b>	<b>Thợ Cơ khí</b>	<b>62</b>	
1	Thợ hàn	47	
2	Thợ điện	15	
<b>III</b>	<b>Công nhân xây dựng</b>	<b>140</b>	

#### ⚡ Chế độ làm việc:

Thời gian làm việc: 8h/ngày, 5 ngày/tuần, nghỉ trưa 1,5h. Khi có yêu cầu về tiến độ sản xuất, kinh doanh thì CBCNV có trách nhiệm làm thêm giờ và Công ty có những quy định đảm bảo quyền lợi cho người lao động theo quy định của Nhà nước.

Ngày phép, nghỉ lễ, Tết, nghỉ ốm thai sản. CBCNV được nghỉ lễ và tết 8 ngày theo quy định của Luật Lao động. Đối với CBCNV làm việc tại Công ty từ 12 tháng trở lên được nghỉ phép 12 ngày/năm. Những người còn lại sẽ được nghỉ phép tính theo tỷ lệ thời gian làm việc. Trong thời gian nghỉ thai sản, ngoài thời gian nghỉ 06 tháng với chế độ bảo hiểm theo đúng quy định còn được hưởng thêm lương cơ bản do Bảo hiểm xã hội chi trả.

Điều kiện làm việc: Công ty trang bị đầy đủ các công cụ bảo hộ lao động, đồng thời Công ty luôn tuân thủ các nguyên tắc an toàn lao động để đảm bảo năng suất lao động cao và an toàn cho CBCNV.

#### ⚡ Chính sách tuyển dụng thu hút nhân tài

Dựa vào nhu cầu mở rộng sản xuất kinh doanh, hàng năm, Công ty đề xây dựng kế hoạch tuyển dụng để thu hút người lao động có năng lực. Công ty đề ra những tiêu chuẩn tuyển dụng nhân sự đặc biệt cho từng vị trí, song tất cả các vị trí đều có những yêu cầu chung như: có trình độ chuyên môn cơ bản, có ý thức phát triển nghề nghiệp và có tính kỷ luật cao, chủ động trong công việc, ...

Với những chính sách tuyển dụng có hiệu quả, trong những năm qua Công ty đã thu hút và xây dựng được một đội ngũ nhân lực giỏi từ nhiều nguồn khác nhau. Các CBCNV trẻ trung và năng động của Công ty cổ phần SCI E&C luôn được trau dồi kỹ năng, kinh nghiệm từ những chính sách đào tạo của Công ty. Với chủ trương lấy con người làm gốc, Công ty luôn tạo điều kiện cho người lao động được học tập, nâng cấp kiến thức về chuyên môn nghiệp vụ. Công ty thường xuyên cử cán bộ tham gia các khóa tập huấn, đào tạo ngắn ngày và dài ngày về các nghiệp vụ kinh doanh, đồng thời tổ chức những lớp tập huấn, đào tạo ngắn ngày về các nghiệp vụ kinh doanh, đồng thời tổ chức những lớp tập huấn phổ biến công nghệ cho cán bộ kỹ thuật.

#### ⚡ Chính sách khen thưởng, kỷ luật

Người lao động làm việc có hiệu quả cao, chất lượng phục vụ tốt, Ban giám đốc căn cứ vào kết quả lao động, quy chế của Công ty để xét thưởng.



**3. Tình hình tài chính**
**3.1 Tình hình tài chính**

Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2016	% tăng(+) giảm(-)
Tổng giá trị tài sản	747	566	
Doanh thu thuần	874	358	
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	19.4	4.2	
Lợi nhuận khác	-0.18	0.7	
Lợi nhuận trước thuế	19.2	4.9	
Lợi nhuận sau thuế	15.3	4	
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	10% (Bằng CP)	0	

**3.2 Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu**

Các chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2017	Năm 2016
<i>Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i>			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: TSLĐ/Nợ ngắn hạn	Lần	1.02	1.09
+ Hệ số thanh toán nhanh: (TSLĐ - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn		0.59	0.65
<i>Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i>			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	0.82	0.78
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu			
<i>Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</i>			
+ Vòng quay hàng tồn kho: Giá vốn hàng bán /Hàng tồn kho bình quân	Vòng	3.85	2.18
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản		1.17	0.63
<i>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</i>			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần		0.02	0.01
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	0.11	0.03
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản		0.02	0.01
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh /Doanh thu thuần		0.02	0.01

**Khả năng thanh toán**

Các chỉ số đo lường khả năng thanh toán của Công ty năm 2017 giảm so với năm 2016. Khả năng thanh toán giảm do tốc độ tăng của nợ ngắn hạn lớn hơn tốc độ tăng của tài sản ngắn

hạn. Bên cạnh đó, hàng tồn kho cũng tăng nhanh. Hàng tồn kho năm 2017 tăng gấp hơn 1,6 lần hàng tồn kho năm 2016.

#### Cơ cấu vốn

Năm 2016 và năm 2017, Công ty duy trì mức vay nợ khá cao. Nợ chiếm hơn 70% trong tổng nguồn vốn của Công ty. Do đặc thù của lĩnh vực thi công xây dựng nên tài chính Công ty phụ thuộc tương đối vào vay nợ và các khoản chiếm dụng của bên thứ ba.

#### Năng lực hoạt động

Vòng quay hàng tồn kho và vòng quay tổng tài sản năm 2017 giảm so với năm 2016, do hàng tồn kho tăng nhanh và tốc độ tăng của tổng tài sản lớn hơn so với tốc độ tăng của doanh thu.

#### Khả năng sinh lời

Các chỉ tiêu về khả năng sinh lời trong năm 2017 nhìn chung đều tăng so với năm 2016.

### 4. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

#### 4.1 Cổ phần

- Tổng số cổ phần đang lưu hành: 10.000.000 cổ phần
- Loại cổ phần: Cổ phần phổ thông
- Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do: 10.000.000 cổ phần
- Số cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng theo pháp luật: 0 cổ phần

#### 4.2 Cơ cấu cổ đông

TT	Cơ cấu cổ đông	Số lượng	Cổ phiếu sở hữu	Số tiền (đồng)	Tỷ lệ trên Vốn điều lệ (%)
1	Cổ đông trong nước	333	9.987.800	99.878.000.000	99.88
	- Cá nhân	327	3.851.765	38.517.650.000	38,52
	- Tổ chức	6	6.136.035	61.360.350.000	61.36
2	Cổ đông ngoài nước	2	-	-	-
	- Cá nhân	2	12.200	122.200.000	0.12
	- Tổ chức	-	-	-	-
	<b>Tổng cộng:</b>	<b>335</b>	<b>10.000.000</b>	<b>100.000.000.000</b>	<b>100</b>

4.3 Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không có

4.4 Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có



**4.5 Các chứng khoán khác: Không có**
**II. Báo cáo và đánh giá của Ban giám đốc**
**1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh**
**1.1 Tổng quan về các chỉ tiêu chủ yếu năm 2017**

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện năm 2017	kế hoạch năm 2017	% so với kế hoạch năm 2017
1	Giá trị sản xuất kinh doanh	10 <sup>9</sup> đ	1.039	930	111
2	Doanh thu	10 <sup>9</sup> đ	876	847	103
3	Tiền về tài khoản	10 <sup>9</sup> đ	827	950	87
4	Lợi nhuận trước thuế	10 <sup>9</sup> đ	19,2	18	106
5	Thu nhập bq quân người/tháng	10 <sup>9</sup> đ	10,2	8,5	120

Toàn bộ các chỉ tiêu chủ yếu như giá trị sản xuất kinh doanh, tổng doanh thu, lợi nhuận, Thu nhập bình quân đầu người đều hoàn thành vượt mức kế hoạch năm và có tăng trưởng so với năm 2016.

Nguyên nhân chủ yếu là do Công ty đã quyết liệt bám sát chỉ đạo thực hiện tốt kế hoạch tiến độ thi công, sản xuất xây lắp từ các công trình; thường xuyên thực hiện các biện pháp giám sát thực hiện để tiết kiệm chi phí sản xuất kinh doanh; bám sát thu vốn theo tiến độ đã được chủ đầu tư ký kết. Chính vì vậy, mặc dù trong năm 2017 gặp nhiều khó khăn nhưng lợi nhuận trước thuế vẫn vượt kế hoạch năm 2016 và có tăng trưởng đáng kể so với năm 2016.

**1.2 Những tiến bộ công ty đã đạt được**

Trong năm năm 2017 tình hình kinh tế cả nước vẫn tiếp tục khó khăn, các công trình xây dựng bằng nguồn vốn ngân sách bị thu hẹp, việc vay vốn để sản xuất khó khăn. Giá cả nguyên nhiên, vật liệu liên tục tăng cao nhưng với sự quyết tâm và cố gắng của tập thể CBCNV Đơn vị đã hoàn thành xuất sắc các chỉ tiêu kinh tế mà Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị công ty giao. Tuy nhiên trong tình hình kinh tế hiện nay, năm 2018 và những năm tới đòi hỏi đơn vị không ngừng đổi mới phương thức quản lý, điều hành, xây dựng những giải pháp cụ thể nhằm khắc phục những tồn tại, yếu kém nhằm hoàn thành kế hoạch các năm tiếp theo.

- Đảm bảo mục tiêu tiến độ các công trình: Tiến độ thi công các công trình: Thi công các công trình hoàn thành đúng tiến độ, chất lượng công trình theo hợp đồng ký kết với Chủ đầu tư như Công trình Lào Lèng – Beng; Sầm Tày – Thà lầu; Gói thầu XD 03 Bảo Lâm; San lấp mặt bằng và xây dựng hàng rào khu vực dự án sân phân phối trung tâm điện lực Long

Phú; Thủy điện Bắc Mê; Thi công cải tạo sông Ninh Cơ;

- Hợp tác ký kết các hợp đồng thi công xây lắp, mở rộng SXKD:
  - Tham gia đấu thầu và trúng thầu gói thầu CV-A2.2b – NDTDP: Công trình bảo vệ khu đồ đất nạo vét phía Nam (Đê bảo vệ Km 1+487 – Km 2+422) & Kè G1, G2, G3, G4 & Đê chắn sóng phía Nam (Km 0+000 đến Km 0+050) thuộc cụm công trình Cải tạo cửa sông Ninh Cơ (với giá trị 94 tỷ).
  - Tham gia nộp hồ sơ đề xuất và trúng chỉ định thầu gói thầu số 09: Thi công xây lắp đoạn Km 1283+250 – Km 1293+800 thuộc dự án: Đầu tư xây dựng công trình mở rộng Quốc Lộ 1 đoạn từ Km 1265+000 đến Km 1353+300, tỉnh Phú Yên (với giá trị 64 tỷ).
  - Ký kết Hợp đồng thi công gói thầu Thi công xây dựng dự án nâng cấp mạng lưới giao thông Bắc Lào Lý trình: Km 98 -:- Km 121 đoạn Mường Sòn đi Lèng Bèng tại tỉnh Huaphan – Lào với Công ty TNHH thương mại 68 (với giá trị 5 triệu USD).
  - Ký kết Hợp đồng thi công gói thầu Đập OTC – Gói thầu TSF – STAGE 2 với Công ty cổ phần Licogi 13 (với giá trị 50 tỷ).
  - Thi công đào, đắp đất đá các hạng mục chính thuộc gói thầu XD01. XD02. XD03 – Dự án thủy điện Bắc Mê
  - Thi công đào, đắp đất đá các hạng mục chính, công trình tạm – Công trình thủy điện Bảo Lâm 3
  - Cung cấp và thi công đóng cọc đại trà nhà máy – Nhà máy nhiệt điện Long Phú 1
  - DA kênh đào nhân tạo nối sông Đáy với sông Ninh Cơ
  - Thi công tuyến đường Na Xang - Thong Thu (Lào)
- Công tác tổ chức đào tạo:
  - Tiếp tục hoàn thiện, kiện toàn bộ máy điều hành, tổ chức lại các đội theo nhu cầu SXKD.
  - Thuê những Đơn vị có uy tín lập trình, chuyển giao các phần mềm quản lý giao việc, quản lý nhân sự, xe máy thiết bị ... nhằm nâng cao tính chuyên nghiệp, chính xác, tiết kiệm chi phí quản lý.
  - Tổ chức các hoạt động văn hóa, thể thao mít tinh kỷ niệm các ngày lễ lớn;
  - Thực hiện đúng các chế độ chính sách của nhà nước, công ty đối với người lao động.
  - Đơn vị đặc biệt quan tâm đến công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực, cử các cán bộ quản lý tham gia các khóa Mini – MBA giao tiếp nhằm nâng cao trình độ chất lượng của cán bộ.
- Công tác Kinh tế - Kỹ thuật:
  - Lập biện pháp đảm bảo tiến độ, cân đối thiết bị, xe máy đảm bảo hoàn thành các mục tiêu tiến độ ;
  - Xây dựng kế hoạch sản xuất và lập tiến độ các công trình dựa trên định hướng phát triển của Công ty được HĐQT Công ty cổ phần Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9 phê duyệt;
  - Luôn đảm bảo công tác báo cáo kế hoạch hàng tháng, thường xuyên kiểm điểm tình hình thực hiện hàng tháng và lập kế hoạch tháng kế tiếp nhằm đảm bảo mục tiêu kế hoạch



sản xuất kinh doanh ;

- Công tác lập và quản lý chi phí giá thành từng hạng mục công trình được đặc biệt chú trọng và được triển khai xuống từng đội xây lắp.

- Công tác thu vốn, thu hồi công nợ được đơn vị đặc biệt chú trọng, tập trung giải quyết dứt điểm những tồn tại về hồ sơ nghiệm thu thanh toán, đôn đốc và giải quyết kịp thời những vướng mắc về kinh tế, dự toán, tổng dự toán với Chủ đầu tư tại các công trình;

- Tuân thủ các chuẩn mực kế toán, hệ thống kế toán và các quy định khác về kế toán hiện hành của Nhà nước;

- Kiểm soát chặt chẽ các khoản chi phí, sử dụng vốn hợp lý.

- Công tác quản lý vật tư cơ giới:

- Cân đối, điều động xe máy giữa các công trường đảm bảo khai thác tối đa năng lực hiện có;

- Tăng cường công tác bảo dưỡng, kiểm tu xe máy, thiết bị nắm vững tình trạng kỹ thuật của xe máy thiết bị, dự báo hư hỏng và có biện pháp phòng ngừa kịp thời tránh xe máy hư hỏng nặng. Nâng cao trách nhiệm của Cán bộ quản lý cơ giới, công nhân vận hành trong việc để xe máy hư hỏng do vận hành sai quy trình, quy phạm, bảo dưỡng và kiểm tu không đảm bảo kỹ thuật;

- Đảm bảo vật tư cho phục vụ hoạt động SXKD của toàn Công ty.

- Công tác Tài chính kế toán:

- Đề thu xếp kịp thời nguồn vốn cho hoạt động SXKD. Trên cơ sở đó thực hiện các khoản vay tín dụng, bảo lãnh thu xếp kịp thời nguồn vốn phục vụ cho SXKD và đầu tư của công ty;

- Tuân thủ các chuẩn mực kế toán, hệ thống kế toán và các quy định khác về kế toán hiện hành của Nhà nước;

- Các báo cáo tháng, quý và quyết toán quý được quan tâm và duy trì thường xuyên đảm bảo phản ánh chính xác kết quả SXKD của Công ty;

- Kiểm soát chặt chẽ các khoản chi phí, sử dụng vốn hợp lý;

- Tập trung mọi nguồn lực để đẩy nhanh tiến độ thu hồi vốn, thu hồi công nợ nhằm giảm áp lực vay vốn đối với Công ty đồng thời duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh liên tục.

- Công tác tiếp thị đấu thầu

- Tập trung thực hiện và đẩy mạnh công tác tiếp thị, từng bước mở rộng thị trường để chuẩn bị cho kế hoạch SXKD năm 2018 và các năm tiếp theo;

- Tìm kiếm các công việc làm tổng thầu hoặc là B phụ cho các đơn vị thuộc Tập đoàn Sông Đà thi công các dự án thủy điện bên nước Lào;

- Theo dõi, chuẩn bị các điều kiện để tham gia đấu thầu tiếp những gói thầu thuộc các dự án lớn: Dự án Phát triển giao thông vận tải khu vực đồng bằng bắc bộ; Nam bộ, các dự án về nhiệt điện, giao thông.

- Tham gia cùng Công ty cổ phần SCI đấu thầu hoặc chào giá làm tổng thầu các dự án thủy điện trên cả nước đặc biệt các dự án khu vực Quảng Ngãi, Nghệ An...

- Tìm kiếm các công việc tại các dự án nhiệt điện lớn như: Nhiệt điện Long Phú; Thái Bình; Sông Hậu.../
- Nghiêm túc rút kinh nghiệm từ những khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai các dự án trước đây trong tất cả các khâu (đấu thầu, đàm phán, ký kết hợp đồng với CĐT...) đảm bảo tối đa lợi nhuận thu được từ các dự án, công trình.

## 2. Tình hình tài chính

### 2.1 Tình hình tài sản

#### Tài sản cố định hữu hình:

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	11,221,128,927	67,553,692,239	38,703,540,692	375,386,917	117,853,748,775
- Mua trong năm	-	46,202,592,706	14,876,381,818	40,259,090	61,119,233,614
Số dư cuối năm	<b>11,221,128,927</b>	<b>113,756,284,945</b>	<b>53,579,922,510</b>	<b>415,646,007</b>	<b>178,972,982,389</b>
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	6,237,108,792	21,302,320,901	13,755,295,027	247,401,338	41,542,126,058
- Khấu hao trong năm	280,528,224	9,383,880,610	4,771,616,730	57,992,506	14,494,018,070
Số dư cuối năm	<b>6,517,637,016</b>	<b>30,686,201,511</b>	<b>18,526,911,757</b>	<b>305,393,844</b>	<b>56,036,144,128</b>
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	4,984,020,135	46,251,371,338	24,948,245,665	127,985,579	76,311,622,717
Tại ngày cuối năm	<b>4,703,491,911</b>	<b>83,070,083,434</b>	<b>35,053,010,753</b>	<b>110,252,163</b>	<b>122,936,838,261</b>

Trong đó:

- Giá trị còn lại cuối năm của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 8,413,893,170 đồng.
- Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 8,413,893,170 đồng.

#### Danh mục số lượng xe máy thiết bị hiện có:

#### XE MÁY THIẾT BỊ CHÍNH

BẢNG TỔNG HỢP THIẾT BỊ CHÍNH			
TT No.	Chủng loại Content	Số lượng Quantity	Chất lượng Quality
1.	Ô tô tự đổ / Tilting cars	56	Tốt / Good
2.	Máy xúc đào / Crawler Excavator	27	Tốt / Good
3.	Máy ủi / Bulldozer	11	Tốt / Good
4.	Máy lu / Roller	14	Tốt / Good
5.	Máy san / Motor Grader	04	Tốt / Good
6.	Máy rải / Self-propelled Spreader	02	Tốt / Good
7.	Trạm asphalt / Asphalt mixing plant	01	Tốt / Good
8.	Cầu bánh xích / Self-propelled crawler crane	06	Tốt / Good



BẢNG TỔNG HỢP THIẾT BỊ CHÍNH			
TT No.	Chủng loại Content	Số lượng Quantity	Chất lượng Quality
9.	Xe tưới nước / <i>Water truck</i>	03	Tốt / <i>Good</i>
10.	Công trục / <i>Gantry Crane</i>	03	Tốt / <i>Good</i>
11.	Trạm trộn bê tông / <i>Mixing plant</i>	04	Tốt / <i>Good</i>
12.	Xúc lật / <i>Rubber-tired Excavator</i>	03	Tốt / <i>Good</i>
13.	Xe mix vận chuyển bê tông / <i>Mix truck</i>	10	Tốt / <i>Good</i>
14.	Cần trục ô tô / <i>Self-propelled wheel-mounted crane</i>	01	Tốt / <i>Good</i>
15.	Sơ-mi rơ-moóc / <i>Semi-trailer Truck</i>	02	Tốt / <i>Good</i>
16.	Máy đóng cọc / <i>Diesel Pile Driving</i>	02	Tốt / <i>Good</i>
17.	Máy khoan thủy lực / <i>Self-propelled</i>	05	Tốt / <i>Good</i>
18.	Trạm nghiền / <i>Stone crushers</i>	01	Tốt / <i>Good</i>
19.	Máy bơm bê tông	03	Tốt / <i>Good</i>

Ô tô tự đổ / <i>Tilting cars</i>	
Hyundai HD270 11-13 tons	15
Howo CNHTC $\geq 10$ tons	30
Man 10,5 tons	05
Cửu Long 05 tons	06
Sơ-mi Rơ-moóc	02



Máy ủi / <i>Bulldozers</i>	
Catterpillar D6	04
Catterpillar D5	02
XCMG DT140B	02
Shantui SD16L	03





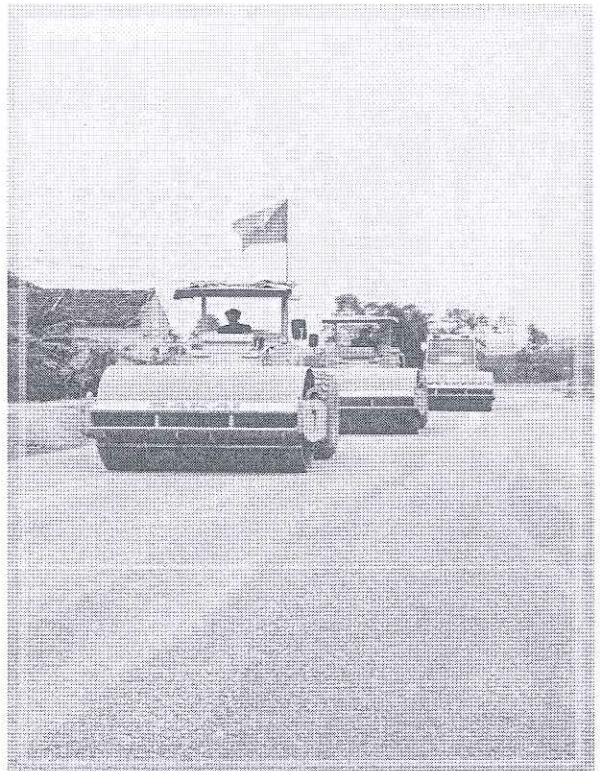


<b>Máy xúc đào / Excavators</b>	
Kobelco SK330 – 1,6 m <sup>3</sup>	08
Kobelco SK250 – 1,2 m <sup>3</sup>	04
Kobelco SK460 - 1,9 m <sup>3</sup>	07
Kobelco SK480 - 2,1 m <sup>3</sup>	03
Komatsu <1 m <sup>3</sup>	02
Doosan S180W-V – 0,73m <sup>3</sup>	03



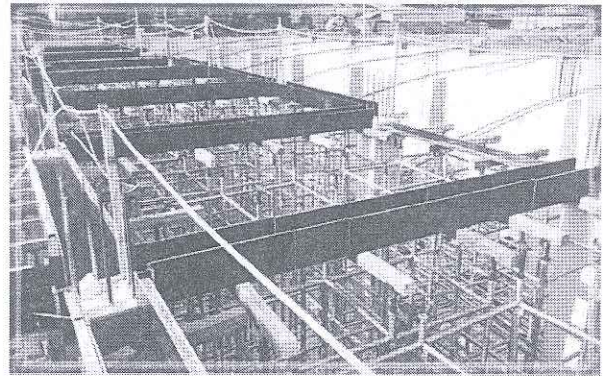
<b>Máy lu / Roller</b>	
Sakai SV620D 34 tons	05
XCMG XS142J 28 tons	04
Sakai SV520D 31 tons	02
Sakai R2 20,5 tons	01
Furukawa FR12 -12,6 tons	01
Bomag BW162A 13 tons	01

<b>Thiết bị thi công đường bộ Highway construction equipment</b>	
Máy san Mitsubishi MG150 <i>Motor Grader MG150</i>	04
Máy rải Demag DF135C <i>Self-propelled Spreader Demag DF135C</i>	02
Trạm trộn asphalt 700 tấn/h <i>Asphalt mixing plant 700 tons/h</i>	01
Cần cầu bánh xích Sumitomo 50 tấn <i>Crawler Crane - Sumitomo</i>	01
Xe tưới nước <i>Water truck</i>	03
Máy phun nhựa <i>Bitumen Sprayer</i>	02





<b>Thiết bị thi công bê tông</b> <i>Concrete construction equipment</i>	
Cồng trục 16 -20 tấn <i>Gantry Crane 16 -20 tons</i>	03
Trạm trộn bê tông 60 – 90 m3/h <i>Mixing plant 60 m3/h</i>	04
Xúc lật 2,2 m3 <i>Mechanical Shovel – 2.2 m3</i>	03
Xe mix vận chuyển bê tông 11m3 <i>Mix truck 11 m3</i>	10
Máy bơm bê tông 80 m3/h <i>Pumpcrete machine</i>	03
Cầu bánh xích 50-80 tấn <i>Crawler Crane 50-80 tons</i>	03
Ván khuôn các loại (m2)	4300



<b>Thiết bị thi công bê tông khác</b> <i>Other Concrete construction equipment</i>	
Máy hàn/ <i>Brazing machine</i>	35
Máy đầm/ <i>Needle vibrator</i>	52
Máy phát điện/ <i>Generator</i>	09
Máy cắt uốn/ <i>Bending machine</i>	28



<b>Thiết bị đóng cọc</b> <i>Pile Driving Equipment</i>	
Máy đóng cọc diesel <i>Diesel Pile Driving Hammer</i>	02
Cần trục tự hành 50 tấn <i>Crane 50 tons</i>	02
Máy phát điện 50KVA – 360KVA <i>Electric Generator 50KVA – 360KVA</i>	02
Máy đóng cọc diesel <i>Diesel Pile Driving Hammer</i>	02





## 2.2 Tình hình nợ phải trả

TT	Chi tiêu	31/12/2017	31/12/2016
<b>Nợ ngắn hạn</b>			
1	Vay và nợ ngắn hạn	570.013.231.227	400.115.527.382
2	Phải trả người bán	171.517.508.508	80.338.248.363
3	Người mua trả tiền trước	120.564.091.975	83.439.894.636
4	Thuế và các khoản phải nộp Nhà Nước	1.479.574.325	341.969.177
5	Phải trả người lao động	29.863.324.816	18.386.695.949
6	Chi phí phải trả	40.154.820.654	10.681.915.081
7	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	6.974.572.152	2.673.560.128
8	Quỹ khen thưởng phúc lợi	1.153.292.477	1.447.095.205
<b>Nợ dài hạn</b>			
1	Vay và nợ dài hạn	40.074.953.627	39.204.412.337
<b>Tổng cộng</b>			

### 3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Công ty đang áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001-2008

“Chất lượng cho từng sản phẩm” luôn luôn là mục tiêu phấn đấu của Công ty cổ phần SCI E&C, là uy tín, danh dự để công ty tồn tại và phát triển. Bằng những bước đi vững chắc, những điều Công ty muốn mang đến cho khách hàng mỗi ngày chính là sự tin tưởng cho từng dự án mọi lúc và mọi nơi, Công ty luôn không ngừng cải tiến và nâng cao chất lượng công trình cung cấp cho khách hàng, đặt lợi ích của khách hàng và cộng đồng lên hàng đầu.

Để đảm bảo được chất lượng tốt nhất cho mỗi công trình Công ty tạo ra, Công ty cam kết thiết lập và duy trì Hệ thống quản lý chất lượng đáp ứng theo các yêu cầu của Tiêu chuẩn quốc tế ISO 9001:2008, và cải tiến thường xuyên tính hiệu lực của Hệ thống chất lượng.

Xây dựng, duy trì, phát triển đội ngũ nhân viên giàu nhiệt huyết, chuyên môn cao, làm việc chuyên nghiệp không ngừng phấn đấu vì mục tiêu chất lượng công trình.

Công ty đã được Tổ chức Chứng nhận Quốc tế NQA cấp chứng nhận về Chất lượng hệ thống quản lý.



Certificate of Registration



global assurance

This is to certify that the Quality Management System of

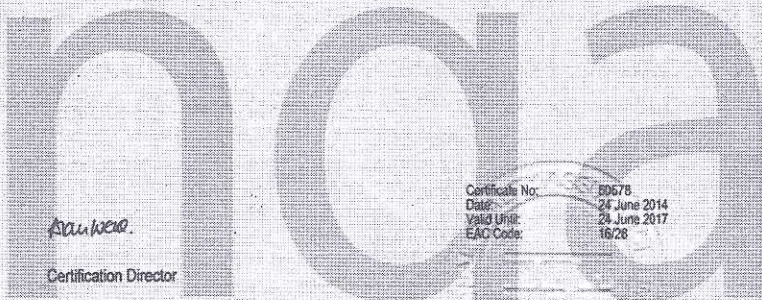
**SONG DA 9 CONSTRUCTION AND INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY**  
5 Floor, Rainbow Building, Van Quan Urban Area, Van Quan Ward, Ha Dong District, Hanoi, Vietnam  
applicable to

**Construction of civil, industrial, transport, agriculture and rural development projects;  
Manufacture of concrete products.**

has been assessed and registered by NQA against the provisions of

**BS EN ISO 9001 : 2008**

This registration is subject to the company maintaining a quality management system, to the above standard, which will be monitored by NQA.



*Signature*

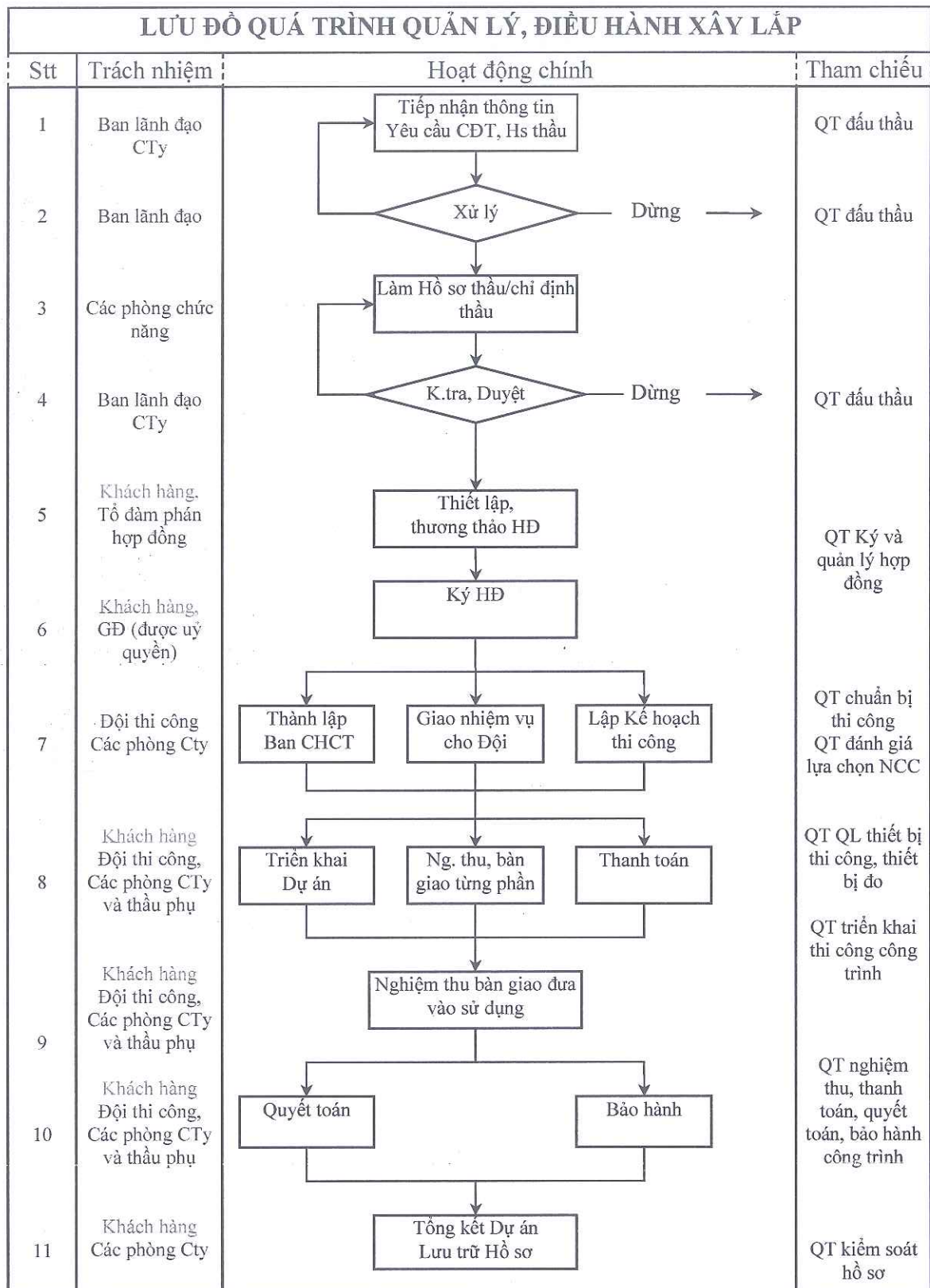
Certification Director



Certificate No:	80678
Date:	24 June 2014
Valid Until:	24 June 2017
EAC Code:	16/28

The use of the UKAS Accreditation Mark indicates accreditation in respect of those activities covered by the accreditation certificate number 015 held by NQA.  
NQA is a trading division of Assentia Group Ltd. Registration No. 02915182. Registered Office: Warwick Hayes, Houghton Hall Park, Houghton Regis, Dunstable, Bedfordshire, LU6 5DZ.  
This certificate is the property of NQA and must be returned on request.







#### Bộ phận kiểm tra chất lượng của công ty:

Để đảm bảo các công trình thi công xây dựng đạt chất lượng, tiến độ theo hợp đồng ký kết và đảm bảo các công trình thi công không xảy ra tai nạn lao động nghiêm trọng dẫn đến chết người. Công ty đã thành lập Ban chỉ đạo ISO nhằm mục tiêu kiểm tra, giám sát tuân thủ theo đúng quy định, quy trình của Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001-2008.

Cơ cấu Ban chỉ đạo ISO bao gồm:

- Trưởng ban: 01 người là Phó giám đốc công ty
- Phó trưởng ban: 02 người là Trợ lý giám đốc và Phụ trách Phòng Tổ chức hành chính
- Thư ký: 01 người là Phó phòng Tổ chức hành chính
- Ủy viên: 05 người là các trưởng phó phòng của các phòng ban: Cơ giới vật tư, Kinh doanh đầu thầu, Kinh tế kế hoạch, Kiểm tra chất lượng thi công an toàn, Tài chính kế toán.

#### 4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

Năm 2018, theo xác định của Công ty là một năm mang tính chất bản lề, quan trọng để Công ty thực hiện theo chiến lược phát triển trung hạn. Để thực hiện được điều đó, Công ty tiếp tục tuyển dụng, đào tạo nâng cao trình độ kỹ năng, tay nghề của nguồn nhân lực cũng như đầu tư dây chuyền, thiết bị và công nghệ thi công trong lĩnh vực thi công xây lắp hạ tầng kỹ thuật và giao thông.

Kế hoạch kinh doanh năm 2018 đã được thông qua tại Đại hội cổ đông 2017, xác định rõ:

- Khẳng định hơn nữa thương hiệu Công ty trong lĩnh vực thi công cơ giới các công trình nhiệt điện, thủy lợi và thủy điện và các công trình khác bằng việc thi công đảm bảo tiến độ, chất lượng hiệu quả, an toàn và đúng tiến độ các công trình: Nhiệt điện Long Phú, Công trình thủy điện Ca Nan, Công trình Sotrans, Công trình thi cải tạo, mở rộng QL1 – đoạn Phú Yên và Công trình thi công xây dựng dự án nâng cấp mạng lưới giao thông Bắc Lào.
- Hoàn thành công tác nghiệm thu, thu vốn của các công trình đã thi công xong: Công trình thủy điện Lại Châu, Công trình kè Nhật Tân, Công trình Đập tràn thủy điện Trung Sơn, Nhà máy xi măng Hạ Long,...
- Đầu tư xe máy, thiết bị, công nghệ như thiết bị thi công trên sông, biển phục vụ thi công công trình cải tạo cửa sông Ninh Cơ; đầu tư dây chuyền, thiết bị thi công móng mặt đường, trạm trộn asphalt và các công nghệ thi công hiện đại để phục vụ thi công Dự án cải tạo nâng cấp mở rộng Quốc Lộ 1, chuẩn bị sẵn sàng cho thi công dự án Đường Hồ Chí Minh Giai đoạn II. Bên cạnh đó cũng tăng cường đào tạo, thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao để phục vụ thi công các công trình này. Bằng việc thực hiện thi công tốt các công trình này, Công ty sẽ bước đầu khẳng định được thương hiệu, vị thế trong lĩnh vực thi công công trình Hạ tầng kỹ thuật và giao thông.
- Tiếp tục cải tiến quy trình quản lý, sản xuất và mở rộng thị trường cho lĩnh vực sản xuất, gia công cơ khí để đảm bảo hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Tập trung tìm kiếm cơ hội đầu thầu, tham gia các dự án lớn, trọng điểm do Bộ Giao thông Vận tải, tập đoàn EVN, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam,... làm chủ đầu tư



- Cân đối bố trí xe máy thiết bị phù hợp với biện pháp thi công nhằm nâng cao hiệu quả và hệ số sử dụng xe máy thiết bị hiện có của Công ty.

Việc thực hiện thành công kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh năm 2016 sẽ là tiền đề, cơ sở quan trọng để thực hiện định hướng, chiến lược phát triển của Công ty, tạo đà cho sự phát triển lâu dài và bền vững, tạo nên và khẳng định một thương hiệu Công ty lớn mạnh.

### III. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

#### 1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

##### 1.1 Những việc đã làm được

###### Về định hướng chiến lược:

###### a) Định hướng chiến lược:

- Đã xây dựng đội ngũ cán bộ, nhân viên đủ về số lượng và đảm bảo chất lượng.
- Thực hiện chia tách, sáp nhập các bộ phận, đơn vị đảm bảo tinh gọn, hoạt động hiệu quả.
- Cân đối năng lực thi công trên công trường nhằm giảm thiểu chi phí và tăng năng suất lao động.
- Thường xuyên tìm kiếm, thay đổi các đối tác cung cấp nguồn nguyên liệu nhằm ổn định sản xuất, giảm thiểu giá thành đầu vào nâng cao lợi nhuận SXKD của Công ty.

###### b) Công tác quản lý:

- Chú trọng công tác nhân sự từ các cấp quản lý tới các cá nhân trực tiếp thi công trên công trường. Liên tục tổ chức đào tạo và đào tạo lại tại chỗ đối với toàn thể CBCNV đáp ứng yêu cầu sản xuất kinh doanh chung của Công ty.
- Phân loại, thanh lý đối với các xe máy cũ có hiệu quả thi công thấp và tiến hành đầu tư mới nhằm nâng cao năng lực thi công của Công ty.
- Thực hiện đầy đủ quy trình, giám sát chặt chẽ công tác sử dụng máy móc thiết bị và đánh giá thường xuyên tiêu hao nhiên liệu, mặt khác kiểm soát tốt nguồn/sàng lọc nhà thầu cung cấp nguyên liệu, vật tư phục vụ công tác thi công trên công trường.
- Thường xuyên vận dụng, bổ sung sửa đổi các quy chế, quy định đảm bảo phù hợp với định hướng hoạt động của Công ty trong năm 2018 và các năm tiếp theo.
- Khai thác triệt để các tính năng ứng dụng của các phần mềm quản lý nhằm rút ngắn và đơn giản các quy trình thực hiện công việc tại mỗi công đoạn.

###### Về Công tác quản trị - Giám sát thực hiện:

###### a) Công tác Quản trị:

- Tận dụng các cơ hội phát triển, mạnh dạn đầu tư vào các lĩnh vực mới bắt kịp xu hướng thời đại, đặc biệt trong lĩnh vực thi công xây dựng.
- Phát triển mạnh các nguồn lực sẵn có, tiến hành tái hồi các phương tiện sản xuất lạc hậu nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty.

###### b) Giám sát thực hiện:



- Sát nhập, giải thể, bổ sung chức năng, nhiệm vụ của các phòng ban, bộ phận phục vụ hiệu quả cho các hoạt động sản xuất kinh doanh trong các lĩnh vực chuyên môn.
- Phân tích hiệu quả đầu tư, tiến hành tạm dừng đối với các công trình, dự án chưa thực sự mang lại hiệu quả kinh tế, tập trung vào lĩnh vực hoạt động chính của Công ty.
- Cân đối xe phục vụ, điều động hợp lý đảm bảo kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Rà soát các hợp đồng, chỉ đạo xuất toán đối với các hạng mục công trình dở dang.
- Trên cơ sở kế hoạch SXKD của Công ty phê duyệt lại quy chế trả lương, quy chế quản lý công tác Hợp đồng và quy chế làm việc áp dụng cho toàn Công ty.
- Thực hiện các chế độ liên quan đối với người lao động đảm bảo tăng cường gắn bó và đóng góp của mỗi CBCNV đối với Công ty.

## 1.2 Những việc chưa làm được

Bên cạnh những việc đã đạt được, Công ty còn một số tồn tại chưa giải quyết được cụ thể như sau:

- Công tác tổ chức, đổi mới doanh nghiệp.
- Chưa thực hiện triệt để việc sắp xếp, định biên nhân sự, đặc biệt là bộ máy gián tiếp, phục vụ tại cơ quan Công ty cũng như tại các đội xây lắp;
- Công tác thi công, nghiệm thu, bàn giao công trình:

Một số công trình đã thi công xong nhưng chưa nghiệm thu bàn giao công trình đưa vào sử dụng, chưa được thanh quyết toán, đặc biệt là công trình Nhà máy xi măng Hạ Long, thủy điện Nậm Khánh, Hòa Na, Xekaman ...

- Công tác thu hồi vốn và công nợ còn chậm

## 2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban giám đốc Công ty

Với chức năng điều hành các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, Ban giám đốc có quyền quyết định các công việc liên quan đến hoạt động hàng ngày của Công ty, đồng thời có trách nhiệm tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị. Do đó hoạt động giám sát của Hội đồng quản trị đối với Ban giám đốc không chỉ ở việc tổ chức thực hiện nghị quyết, quyết định của HĐQT và còn đối với các hoạt động thuộc phạm vi quyền hạn của Ban giám đốc:

Đối với thực hiện nghị quyết của ĐHCĐ về kế hoạch SXKD hàng năm được ĐHCĐ thông qua: Ban giám đốc có trách nhiệm triển khai và thực hiện chế độ báo cáo định kỳ hàng tháng, quý, bán niên với HĐQT để HĐQT nắm được và có quyết định điều chỉnh hoặc bổ sung kịp thời đối với những vấn đề phát sinh cần có quyết định của HĐQT. Với những vấn đề thuộc thẩm quyền phê chuẩn của ĐHCĐ thì HĐQT sẽ tiến hành các bước cần thiết theo quy định của pháp luật, của điều lệ công ty để có được sự phê chuẩn trong thời gian nhanh nhất để Ban giám đốc tiếp tục thực thi nhiệm vụ của mình một cách có hiệu quả.

Việc thực hiện nghị quyết, quyết định của HĐQT: Đối với các quyết định của HĐQT mang tính chiến lược, kế hoạch phát triển trung và dài hạn thì trong quá trình triển khai Ban giám đốc có trách nhiệm báo cáo kết quả thực hiện định kỳ, theo giai đoạn bằng văn bản, đồng thời qua các cuộc họp chuyên môn,... Với các quyết định khác quy định thời gian thực hiện, Ban giám đốc triển khai và thực hiện báo cáo kết quả ngay khi công việc kết thúc.

### 3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

#### 3.1 Định hướng

- Phê duyệt, bổ sung và chỉnh sửa tăng cường mở rộng mối quan hệ, tập trung tìm kiếm và chỉ đạo triển khai các dự án do Tổng công ty Sông Đà, Tập đoàn Dầu khí, Tập đoàn Điện lực, các Ban quản lý thuộc Bộ Giao thông vận tải, Bộ xây dựng nhằm mục đích mở rộng hoạt động SXKD, tạo cơ hội tăng thu nhập cho CBCVN Công ty đồng thời khẳng định uy tín, tạo thương hiệu đối với các Chủ đầu tư;
- Ban hành các quy chế, quy trình làm việc của Công ty phù hợp với tình hình thực tế và xu hướng phát triển về quy mô và năng lực của Công ty;
- Chỉ đạo ổn định công tác tổ chức, phê duyệt cơ cấu mô hình tổ chức sản xuất của Công ty phù hợp với thực tế SXKD, Điều lệ và Quy chế hoạt động của Công ty;
- Chiến lược đào tạo con người, đặc biệt công tác bồi dưỡng đội ngũ cán bộ quản lý và lực lượng lao động lành nghề đã được quan tâm hàng đầu, việc triển khai thực hiện đạt hiệu quả cao.
- Chỉ đạo, đôn đốc thực hiện triển khai các dự án đầu tư có hiệu quả: Xe máy, thiết bị thi công phục vụ các dự án công ty đang tham gia thi công và định hướng đầu tư phù hợp đảm bảo tiến độ và kế hoạch;
- Phân tích nhu cầu, định hướng đầu tư máy móc, thiết bị, vật tư phù hợp đảm bảo ổn định sản xuất.

#### 3.2 Chỉ đạo thực hiện và kế hoạch hành động

Năm 2018, toàn Công ty cần tập trung huy động mọi nguồn lực về tài chính, nhân lực, máy móc thiết bị, triển khai đồng bộ đáp ứng yêu cầu của nhiệm vụ sản xuất, với các mục tiêu và một số giải pháp trong từng lĩnh vực công tác sau:

##### 3.2.1 Công tác thi công, thu hồi công nợ tại các công trình

Đảm bảo mục tiêu tiến độ các công trình: Thi công các công trình hoàn thành đúng tiến độ, chất lượng công trình theo hợp đồng ký kết với Chủ đầu tư.

##### 3.2.2 Công tác đầu tư

- Cân đối năng lực xe máy thiết bị hiện có và nhu cầu mở rộng SXKD, thực tế sản xuất, Giám đốc Công ty trình HĐQT phê duyệt các dự án đầu tư nhằm nâng cao năng lực thiết bị thi công hiện đại.

##### 3.2.3 Công tác tiếp thị, đấu thầu

- Tăng cường công tác tiếp thị, từng bước mở rộng thị trường để chuẩn bị cho kế hoạch SXKD năm 2018 và các năm tiếp theo;



- Nắm tình hình, chuẩn bị các điều kiện để tham gia đấu thầu những gói thầu thuộc các dự án lớn: Dự án Phát triển giao thông vận tải khu vực Đồng bằng Bắc bộ, Nam bộ, các dự án về giao thông khác.
- Tìm kiếm các công việc tại các dự án nhiệt điện lớn như: Nhiệt điện Long Phú; Thái Bình; Sông Hậu...
- Có báo cáo đánh giá, rút kinh nghiệm trong quá trình triển khai các dự án trước đây trong tất cả các khâu (đấu thầu, đàm phán, ký kết hợp đồng với CĐT...) đảm bảo tối đa lợi nhuận thu được từ các dự án, công trình chuẩn bị thực hiện.

### 3.2.4 Công tác tổ chức, đổi mới doanh nghiệp

- Thực hiện phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ, mở rộng sản xuất.
- Hoàn thiện bộ nhận diện thương hiệu và tăng cường công tác truyền thông với phương châm “**Kiến tạo giá trị - Vị thế nâng tầm**”. Duy trì Hệ thống quản lý chất lượng tiêu chuẩn ISO 9001:2008 và cải tiến thường xuyên nâng cao tính hiệu lực của Hệ thống này.
- Nâng cao hiệu quả hoạt động của các phòng chức năng theo chuyên ngành nhằm giải quyết tốt các nghiệp vụ phát sinh; Cùng cố và tăng cường lực lượng làm công tác thị trường và hồ sơ dự thầu các công trình đặc biệt là công trình giao thông;
- Đánh giá, thực hiện công tác định biên nhân sự và luân chuyển cán bộ để tạo nguồn cho các năm tiếp theo;
- Phát động các phong trào thi đua hoàn thành các mục tiêu tiến độ trên các công trình đang thi công.
- Theo dõi, đánh giá việc áp dụng quy chế trả lương mới nhằm thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao đóng góp cho công ty.
- Tiếp tục nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung các quy chế, quy định quản lý nội bộ cho phù hợp với pháp luật và thực tế hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu tối đa chi phí quản lý, nâng cao hiệu quả điều hành sản xuất;
- Xây dựng cẩm nang điều hành cho toàn bộ các lĩnh vực liên quan trong và ngoài lĩnh vực hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị.

### 3.2.5 Công tác Kinh tế - Kỹ thuật – Tài chính kế toán

- Quản lý chặt chẽ tiến độ, chất lượng các công trình thi công, duy trì và thực hiện nghiêm túc về việc giám sát thi công;
- Bám sát Chủ đầu tư để kịp thời giải quyết các vướng mắc về thiết kế, biện pháp thi công, dự toán để đẩy nhanh tiến độ thu vốn;
- Tập trung triển khai thi công đúng tiến độ các công trình nhằm hoàn thành xuất sắc kế hoạch các chỉ tiêu kinh tế đã đề ra;
- Các phòng thường xuyên kết hợp với các đội trong công tác thanh, quyết toán công trình đã và đang thi công;
- Kiểm soát chặt chẽ các khoản chi phí, sử dụng vốn hợp lý, kịp thời hạch toán bảo đảm phản ánh đúng tình hình, hiệu quả SXKD;
- Thu hồi công nợ: Đẩy nhanh tiến độ thu vốn, công nợ các hạng mục công trình đang thi công. Đôn đốc các đơn vị có liên quan hoàn tất thủ tục thanh toán dứt điểm công nợ tại các công trình như Nậm Khánh, Hòa Na, Xekaman 3, ...

- Thường xuyên kiểm tra, đôn đốc hoạt động và bảo đảm chế độ của mạng lưới an toàn viên. Triển khai kiểm tra việc thực hiện biện pháp đảm bảo an toàn trong ngành xây dựng.

### 3.2.6 Công tác quản lý vật tư cơ giới

- Cân đối bố trí xe máy thiết bị phù hợp với biện pháp thi công nhằm nâng cao hiệu quả và hệ số sửa dụng xe máy thiết bị hiện có của Công ty;

- Tiếp tục chấn chỉnh lại công tác chăm sóc bảo dưỡng kỹ thuật xe, máy, thiết bị đúng quy trình quy phạm, đảm bảo kế hoạch sửa chữa lớn xe máy thiết bị.

- Xây dựng kế hoạch đào tạo nâng cao trình độ tay nghề, nâng cao kiến thức và kỹ năng vận hành, bảo dưỡng kỹ thuật xe, máy, đảm bảo năng lực xe, máy đáp ứng được yêu cầu tiến độ thi công;

- Tăng cường kiểm tra, giám sát việc sử dụng xe máy, quyết toán nhiên liệu, sử dụng vật tư phụ tùng ở các đơn vị, có biện pháp chấn chỉnh kịp thời khi phát hiện sai sót;

## IV. Quản trị Công ty

### 1. Hội đồng quản trị

#### 1.1 Thành viên HĐQT và cơ cấu của HĐQT

TT	HỌ VÀ TÊN	NĂM SINH	CHỨC VỤ	TRÌNH ĐỘ
I	Hội đồng quản trị			
1	Nguyễn Công Hùng	1978	Chủ tịch	Kỹ sư xây dựng
2	Nguyễn Chính Đại	1978	Thành viên	Kỹ sư xây dựng
3	Lương Thanh Tùng	1978	Thành viên	Kỹ sư xây dựng
4	Hoàng Công Tuấn	1977	Thành viên	Kỹ sư xây dựng
5	Triệu Quang Hà	1975	Thành viên	Cử nhân luật

#### 1.2 Các tiểu ban thuộc HĐQT

Hội đồng quản trị chưa thành lập các tiểu ban.

#### 1.3 Hoạt động của Hội đồng quản trị

##### 1.3.1 Các cuộc họp của Hội đồng quản trị

Stt	Thành viên	Chức vụ	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên HĐQT	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp(%)	Lý do không tham dự họp
1	Ông Nguyễn Công Hùng	Chủ tịch	24/04/2015	4/4	100	
2	Ông Nguyễn Chính Đại	Ủy viên	24/04/2015	4/4	100	
3	Ông Hoàng Công Tuấn	Ủy viên	24/04/2015	4/4	100	
4	Ông Lương Thanh Tùng	Ủy viên	24/04/2015	4/4	100	
5	Ông Triệu Quang Hà	Ủy viên	28/04/2016	4/4	100	



### 1.3.2 Hoạt động giám sát của Hội đồng quản trị với Ban giám đốc

Hội đồng quản trị đã thường xuyên giám sát chặt chẽ, hỗ trợ kịp thời và đảm bảo hiệu quả hoạt động điều hành của Ban Tổng giám đốc, bộ máy giúp việc cho Tổng giám đốc và người đại diện phần vốn tại các doanh nghiệp có vốn góp của công ty. Qua đó, Ban Tổng giám đốc đã xây dựng và triển khai tổ chức thực hiện các công việc như: (1) xây dựng kế hoạch kinh doanh, triển khai linh hoạt và đồng bộ đến các đơn vị công tác đánh giá tình hình hoạt động kinh doanh, dự báo thị trường, chia sẻ thông tin kịp thời hàng tháng, quý; kiểm soát chi phí và xây dựng các giải pháp nâng cao hiệu quả kinh doanh; (2) thực hiện việc thu cổ tức từ các đơn vị, vốn hoá và hoàn tất các vấn đề pháp lý của các dự án nên đã thu hồi được dòng tiền, đảm bảo cân đối cho hoạt động kinh doanh; (3) thường xuyên, liên tục kiểm tra hoạt động, kiểm tra công tác tài chính kế toán, kiểm tra tính tuân thủ của hệ thống kiểm soát nội bộ tại và các đơn vị trong hệ thống; (4) thực hiện việc đánh giá năng suất lao động KPI nhằm nâng cao hiệu quả điều hành, năng suất lao động và kết quả kinh doanh. Kiểm tra việc thực hiện các quy định do Hội đồng quản trị ban hành và tình hình chấp hành việc tuân thủ các quy định của Nhà nước, của các cơ quan chức năng.

### 1.3.3 Các nghị quyết của Hội đồng quản trị

#### 2 Nghị quyết năm 2017:

Số hiệu	Ngày ký	Nội dung
01/2017/ NQ-SICCO-HĐQT	10/01/2017	Nghị quyết về việc phê duyệt điều chỉnh dự án đầu tư và kế hoạch lựa chọn nhà thầu DA nâng cao năng lực thiết bị thi công năm 2016- Giai đoạn 3.1
2/2017/ NQ-SICCO-HĐQT	13/01/2017	Nghị quyết về việc phê duyệt Hồ sơ yêu cầu chi định thầu gói thầu XM05- giai đoạn 3.1
3/2017/ NQ-SICCO-HĐQT	18/01/2017	Nghị quyết họp HĐQT quý 1/2017
4/2017/ NQ-SICCO-HĐQT	23/01/2017	Nghị quyết về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu XM05- Giai đoạn 3.1
5/2017/ NQ-SICCO-HĐQT	24/01/2017	Nghị quyết phê duyệt phương án vay vốn tại Ngân hàng TMCP ĐT&PT Việt Nam - CN Hà Tây
6/2017/ NQ-SICCO-HĐQT	13/02/2017	Nghị quyết về việc bổ nhiệm PGĐ Công ty
6.1/2017/ NQ-SICCO-HĐQT	28/02/2017	Nghị quyết phê duyệt NDHD thực hiện gói thầu CN1 - EPC
6.2/2017/ NQ-SICCO-HĐQT	05/03/2017	Nghị quyết Phê duyệt nội dung hợp đồng thực hiện phần việc Tư vấn Lập hồ sơ mời thầu; thiết kế xây dựng công trình thuộc dự án Nhà máy Thủy điện Ca Nan 1.
7/2017/ NQ-SICCO-HĐQT	14/3/2017	Nghị quyết về phê duyệt phương án vay vốn tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương VN- CN Đồng Đa
8/2017/ NQ-SICCO-HĐQT	14/3/2017	Nghị quyết phê duyệt dự án đầu tư nâng cao năng lực TBTC năm 2017 giai đoạn 1
8.1/2017/ NQ-SICCO-HĐQT	03/4/2017	NQ phê duyệt dự án đầu tư 2017 GD 1
9/2017/ NQ-SICCO-	05/4/2017	NQ phê duyệt phụ lục điều chỉnh, bổ sung số 01 cho



HĐQT		Hợp đồng EPC Ca Nan 2
10/2017/ NQ-SICCO-HĐQT	17/4/2017	Nghị quyết hợp HĐQT quý II/2017
11/2017/ NQ-SICCO-HĐQT	01/6/2017	Phê duyệt nội dung Phụ lục điều chỉnh, bổ sung số 01 Hợp đồng EPC Ca Nan 1
12/2017/ NQ-SICCO-HĐQT	20/6/2017	Ủy quyền quan hệ tín dụng với các tổ chức tín dụng
12.1/2017/ NQ-SCIEC-HĐQT	04/07/2017	Nghị Quyết phê duyệt nội dung Phụ lục điều chỉnh, bổ sung số 02 - Điều chỉnh Phạm vi công việc, Giá và Mốc thanh toán của Hợp đồng EPC dự án Nhà máy thủy điện Ca Nan 2 số 08/2016/SVC-SICCO/CN2-EPC ngày 16/07/2016
13/2017/ NQ-SCIEC-HĐQT	17/07/2017	Nghị quyết hợp HĐQT quý III năm 2017
14/2017/ NQ-SCIEC-HĐQT	10/10/2017	NQ về việc phê duyệt dự án đầu tư nâng cao NLTB thi công năm 2017 - GD 2.2
15/2017/ NQ-SCIEC-HĐQT	14/10/2017	NQ về phê duyệt KH lựa chọn nhà thầu DAĐT nâng cao năng lực thiết bị thi công năm 2017 - GD 2.2
15.1/2017/ NQ-SCIEC-HĐQT	20/10/2017	Nghị quyết hợp HĐQT quý IV năm 2017
16/2017/ NQ-SCIEC-HĐQT	01/11/2017	Nghị quyết phê duyệt phương án vay vốn tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Tây.
17/2017/ NQ-SCIEC-HĐQT	30/11/2017	Nghị quyết về việc bổ nhiệm Phó Giám đốc đối với ông Phan Thanh Hải.
18/2017/ NQ-SCIEC-HĐQT	30/11/2017	Nghị quyết về việc miễn nhiệm Kế toán trưởng đối với ông Phan Thanh Hải.
19/2017/ NQ-SCIEC-HĐQT	30/11/2017	Nghị quyết về việc bổ nhiệm Kế toán trưởng đối với ông Phan Dương Mạnh
20/2017/ NQ-SCIEC-HĐQT	02/12/2017	Nghị quyết về ủy quyền quan hệ tín dụng với các tổ chức tín dụng (ông Phan Hải)
21/2017/ NQ-SCIEC-HĐQT	12/07/2017	Nghị quyết phê duyệt phụ lục HĐ thi công cửa nhận nước
22/2017/ NQ-SCIEC-HĐQT	15/12/2017	Nghị quyết Phê duyệt nội dung Phụ lục điều chỉnh, bổ sung số 02 cho Hợp đồng số 03/2017/SVC/CN1-EPC ngày 01/03/2017
23/2017/ NQ-SCIEC-HĐQT	29/12/2017	Nghị quyết về việc miễn nhiệm PGĐ Công ty (Mr Dũng)
24/2017/ NQ-SCIEC-HĐQT	29/12/2017	Nghị quyết về việc miễn nhiệm PGĐ Công ty (Mr Hưng)



**3 Quyết định năm 2017:**

Số hiệu	Ngày ký	Nội dung
01/2017/ QĐ-SICCO-HĐQT	10/01/2017	Quyết định về việc phê duyệt điều chỉnh dự án đầu tư và kế hoạch lựa chọn nhà thầu DA nâng cao năng lực thiết bị thi công năm 2016- Giai đoạn 3.1
2/2017/ QĐ-SICCO-HĐQT	13/01/2017	Quyết định về việc phê duyệt Hồ sơ yêu cầu chi định thầu gói thầu XM05- giai đoạn 3.1
3/2017/ QĐ-SICCO-HĐQT	23/01/2017	Quyết định về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu XM05- giai đoạn 3.1
4/2017/ QĐ-SICCO-HĐQT	24/01/2017	Quyết định phê duyệt phương án vay vốn tại Ngân hàng TMCP ĐT&PT Việt Nam-CN Hà Tây
5/2017/ QĐ-SICCO-HĐQT	14/02/2017	Quyết định bổ nhiệm Phó Giám đốc Công ty Nguyễn Tuấn Dũng
5.1/2017/ QĐ-SICCO-HĐQT	28/2/2017	Quyết định phê duyệt NDHD thực hiện gói thầu CNI - EPC
5.2/2017/ QĐ-SICCO-HĐQT	03/3/2017	Quyết định Phê duyệt nội dung hợp đồng thực hiện phần việc Tư vấn Lập hồ sơ mời thầu; thiết kế xây dựng công trình thuộc dự án Nhà máy Thủy điện Ca Nan 1.
6/2017/ QĐ-SICCO-HĐQT	14/3/2017	Quyết định phê duyệt phương án vay vốn tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Đồng Đa
7/2017/ QĐ-SICCO-HĐQT	14/3/2017	Quyết định phê duyệt dự án đầu tư nâng cao năng lực TBTC năm 2017 giai đoạn 1
7.1/2017/ QĐ-SICCO-HĐQT	03/4/2017	Quyết định phê duyệt dự án đầu tư 2017 GD 1
8/2017/ QĐ-SICCO-HĐQT	05/4/2017	QĐ phê duyệt phụ lục điều chỉnh, bổ sung số 01 cho Hợp đồng EPC Ca Nan 2
9/2017/ QĐ-SICCO-HĐQT	05/4/2017	Quyết định ban hành chuỗi hoạt động, cơ cấu tổ chức Công ty giai đoạn 2017 - 2022
10/2017/ QĐ-SICCO-HĐQT	15/5/2017	Đổi tên Chi nhánh phía Nam từ ngày 15/5/2017
11/2017/ QĐ-SICCO-HĐQT	01/6/2017	QĐ Phê duyệt nội dung Phụ lục điều chỉnh, bổ sung số 01 Hợp đồng EPC Ca Nan 1
12/2017/ QĐ-SICCO-HĐQT	20/6/2017	Quyết định ủy quyền quan hệ tín dụng với các tổ chức tín dụng
12.1/2017/QĐ-SCIEC-HĐQT	04/7/2017	Quyết định phê duyệt nội dung Phụ lục điều chỉnh, bổ sung số 02 - Điều chỉnh Phạm vi công việc, Giá và Mốc thanh toán của Hợp đồng EPC dự án Nhà máy thủy điện Ca Nan 2 số 08/2016/SVC-SICCO/CN2-EPC ngày 16/07/2016
13/2017/ QĐ-SCIEC-HĐQT	29/9/2017	số 08/2016/SVC-SICCO/CN2-EPC ngày 16/07/2016

14/2017/ QĐ-SCIEC-HĐQT	12/10/2017	QĐ về việc phê duyệt dự án đầu tư nâng cao NLTB thi công năm 2017 - GD 2.2
15/2017/ QĐ-SCIEC-HĐQT	16/10/2017	QĐ phê duyệt KH lựa chọn nhà thầu DAĐT nâng cao năng lực thiếtset bị thi công năm 2017 - giai đoạn 2.2.
16/2017/ QĐ-SCIEC-HĐQT	01/11/2017	Quyết định phê duyệt phương án vay vốn tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt nam -Chi nhánh Hà tây
17/2017/ QĐ-SCIEC-HĐQT	30/11/2017	Quyết định về việc bổ nhiệm Phó Giám đốc đối với ông Phan Thanh Hải.
18/2017/ QĐ-SCIEC-HĐQT	30/11/2017	Quyết định về việc miễn nhiệm Kế toán trưởng đối với ông Phan Thanh Hải.
19/2017/ QĐ-SCIEC-HĐQT	30/11/2017	Quyết định về việc bổ nhiệm Kế toán trưởng đối với ông Phan Dương Mạnh
20/2017/ QĐ-SCIEC-HĐQT	02/12/2017	Quyết định ủy quyền quan hệ tín dụng với các tổ chức tín dụng (ông Phan Hải)
21/2017/ QĐ-SCIEC-HĐQT	12/07/2017	QĐ Phê duyệt phụ lục điều chỉnh HĐ cửa nhận nước
22/2017/ QĐ-SCIEC-HĐQT	15/12/2017	Quyết định Phê duyệt nội dung Phụ lục điều chỉnh, bổ sung số 02 cho Hợp đồng số 03/2017/SVC/CN1-EPC ngày 01/03/2017
23/2017/ QĐ-SCIEC-HĐQT	29/12/2017	Quyết định về việc miễn nhiệm PGĐ Công ty đối với ông Nguyễn Tuấn Dũng
24/2017/ QĐ-SCIEC-HĐQT	29/12/2017	Quyết định về việc miễn nhiệm PGĐ Công ty đối với ông Nguyễn Quang Hưng

## 2. Ban kiểm soát

### .1 Thành viên BKS và cơ cấu của BKS

Stt	Thành viên BKS	Chức vụ	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên BKS	Số buổi họp BKS tham dự	Tỷ lệ tham dự họp(%)	Lý do không tham dự họp
1	Bà Trần Thị Len	TBKS	24/04/2015	2/2	100	
2	Ông Cao Lữ Phi Hùng	TV	15/07/2015	2/2	100	
3	Bà Quách Thị Thanh Thủy	TV	28/04/2016	2/2	100	

### .2 Hoạt động của Ban kiểm soát

- Ban kiểm soát đã tham gia các buổi họp Hội đồng quản trị để nắm bắt kịp thời tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty.
- Ban Kiểm soát đã thực hiện kiểm tra, giám sát tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh năm 2016 của Công ty. Hoạt động của Hội đồng quản trị tuân thủ Điều lệ, Quy chế quản trị công ty và quy định pháp luật có liên quan. Ban Tổng giám đốc công ty đã và đang triển khai thực hiện các quyết định của Hội đồng quản trị.



- Sự phối hợp hoạt động giữa BKS đối với hoạt động của HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác:

Ban Kiểm soát đã được Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và các bộ phận chức năng của Công ty phối hợp, tạo điều kiện thuận lợi trong việc cập nhật tình hình hoạt động Công ty, thu thập thông tin, tài liệu phục vụ cho công tác kiểm tra, giám sát.

**3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát**

**3.1 Lương, thưởng, thù lao và các khoản lợi ích**

TT	Chức danh	Người x tháng	Mức thù lao tháng	Số tiền
<b>A</b>	<b>Hội đồng quản trị</b>			<b>708.000.000</b>
1	Chủ tịch HĐQT- chuyên trách	1x12	35.000.000	420.000.000
2	UV HĐQT	4x12	6.000.000	288.000.000
<b>B</b>	<b>Ban kiểm soát</b>			<b>156.000.000</b>
1	Trưởng BKS	1x12	5.000.000	60.000.000
2	UV BKS	2x12	4.000.000	96.000.000
	<b>Tổng cộng</b>			<b>864.000.000</b>

**3.2 Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ**

TT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với cổ đông nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng,..)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	

**3.3 Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ**

**V. Báo cáo tài chính**

**1. Ý kiến kiểm toán**

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần SCI E&C tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

**2. Báo cáo tài chính được kiểm toán**

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần SCI E&C (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

Công ty Cổ phần SCI E&C (tên cũ: Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9) được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0500574676 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 31/05/2010, đăng ký thay đổi lần thứ bảy ngày 29/05/2017.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì, phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT**

**Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:**

- Ông Nguyễn Công Hùng                      Chủ tịch HĐQT
- Ông Nguyễn Chính Đại                      Thành viên HĐQT
- Ông Hoàng Công Tuấn                      Thành viên HĐQT
- Ông Lương Thanh Tùng                      Thành viên HĐQT
- Ông Triệu Quang Hà                        Thành viên HĐQT

**Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:**

- Ông Nguyễn Chính Đại                      Giám đốc
- Ông Phan Thanh Hải                        Phó giám đốc                      Bổ nhiệm ngày 01/12/2017
- Ông Hoàng Công Tuấn                      Phó giám đốc
- Ông Nguyễn Quang Hưng                      Phó giám đốc
- Ông Nguyễn Tuấn Dũng                      Phó giám đốc                      Miễn nhiệm ngày 29/12/2017



- Ông Nguyễn Cao Hải                      Phó giám đốc

**Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:**

- Bà Trần Thị Len                              Trưởng BKS
- Ông Cao Lữ Phi Hùng                      Thành viên BKS
- Quách Thị Thanh Thủy                      Thành viên BKS

**KIỂM TOÁN VIÊN**

Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam (AVA) đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

**CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017, phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

### **Cam kết khác**

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

### **Thay mặt Ban Giám đốc**

*(Đã ký)*

---

**Nguyễn Chính Đại**

Giám đốc

*Hà Nội, ngày 28 tháng 02 năm 2018*

Số: /2018/BC.KTTC-AVA.NV8

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban giám đốc.  
Công ty Cổ phần SCI E&C.**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần SCI E&C được lập ngày 06 tháng 02 năm 2018, từ trang 06 đến trang 39, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày ngày 31 tháng 12 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh báo cáo tài chính.

### **Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo



cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

#### **Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần SCI E&C tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

#### **Vấn đề khác**

Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần SCI E&C cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên và công ty kiểm toán khác. Kiểm toán viên đã đưa ra kết luận và ý kiến chấp nhận toàn phần.

Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam

*(đã ký)*

*(đã ký)*

---

**Ngô Quang Tiến**

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0373-2014-126-1

---

**Nguyễn Bảo Trung**

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0448-2014-126-1

*Hà Nội, ngày 12 tháng 02 năm 2018*

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
*Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017*

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
			VND	VND
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>578,606,245,017</b>	<b>435,903,486,693</b>
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	32,166,855,093	59,401,556,239
111	1. Tiền		32,166,855,093	46,401,556,239
112	2. Các khoản tương đương tiền		-	13,000,000,000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	4	250,000,000	20,250,000,000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		250,000,000	20,250,000,000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		297,188,763,503	173,062,622,166
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	244,383,278,364	138,878,707,512
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	46,845,642,188	24,602,004,731
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	11,516,309,971	15,256,636,539
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(5,556,467,020)	(5,674,726,616)
140	IV. Hàng tồn kho	9	242,139,840,732	175,237,601,632
141	1. Hàng tồn kho		242,139,840,732	175,258,639,164
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		-	(21,037,532)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		6,860,785,689	7,951,706,656
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	11	1,177,610,418	645,524,347
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		5,587,038,892	7,123,208,569
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	14	96,136,379	182,973,740
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>168,504,656,638</b>	<b>130,697,622,995</b>
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		147,500,000	310,000,000
216	1. Phải thu dài hạn khác	7	147,500,000	310,000,000
220	II. Tài sản cố định		146,817,340,515	122,936,838,261
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	146,817,340,515	122,936,838,261
222	- Nguyên giá		224,969,582,156	178,972,982,389
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(78,152,241,641)	(56,036,144,128)
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	4	20,000,000,000	-
255	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		20,000,000,000	-
260	VI. Tài sản dài hạn khác		1,539,816,123	7,450,784,734
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	11	1,539,816,123	7,450,784,734
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>747,110,901,655</b>	<b>566,601,109,688</b>



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
*Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017*  
*(Tiếp theo)*

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
			VND	VND
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>610,088,184,854</b>	<b>439,319,939,719</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>570,013,231,227</b>	<b>400,115,527,382</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	12	171,517,508,508	80,338,248,363
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	13	120,564,091,975	83,439,894,636
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	1,479,574,325	341,969,177
314	4. Phải trả người lao động		29,863,324,816	18,386,695,949
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	15	40,154,820,654	10,681,915,081
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	16	6,974,572,152	2,673,560,128
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	17	198,306,046,320	202,806,148,843
322	8. Quỹ khen thưởng phúc lợi		1,153,292,477	1,447,095,205
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>40,074,953,627</b>	<b>39,204,412,337</b>
338	1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	17	40,074,953,627	39,204,412,337
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>137,022,716,801</b>	<b>127,281,169,969</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>18</b>	<b>137,022,716,801</b>	<b>127,281,169,969</b>
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		100,000,000,000	100,000,000,000
411a	<i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>		<i>100,000,000,000</i>	<i>100,000,000,000</i>
418	2. Quỹ đầu tư phát triển		7,304,985,925	6,750,741,041
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		29,717,730,876	20,530,428,928
421a	<i>LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước</i>		<i>14,380,586,772</i>	<i>16,500,663,036</i>
421b	<i>LNST chưa phân phối kỳ này</i>		<i>15,337,144,104</i>	<i>4,029,765,892</i>
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>747,110,901,655</b>	<b>566,601,109,688</b>

Lê Thị Thu Hiền  
Người lập

Phan Dương Mạnh  
Kế toán trưởng

Nguyễn Chính Đại  
Giám đốc

Hà Nội, ngày 06 tháng 02 năm 2018

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
**Năm 2017**

 Mẫu số: B02-HN  
 Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2017	Năm 2016
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	873,864,639,672	357,658,356,741
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		873,864,639,672	357,658,356,741
11	4. Giá vốn hàng bán	21	804,117,863,627	315,104,422,683
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		69,746,776,045	42,553,934,058
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	22	2,584,927,869	5,537,041,896
22	7. Chi phí tài chính	23	22,977,665,591	13,380,014,600
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		22,904,498,956	13,218,552,094
25	8. Chi phí bán hàng		-	-
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	24	29,956,386,675	30,480,207,082
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		19,397,651,648	4,230,754,272
31	11. Thu nhập khác	25	137,747,903	1,234,536,925
32	12. Chi phí khác	26	320,270,390	543,996,281
40	13. Lợi nhuận khác		(182,522,487)	690,540,644
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		19,215,129,161	4,921,294,916
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	27	3,877,985,057	891,529,024
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>15,337,144,104</u>	<u>4,029,765,892</u>
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	28	1,534	403

 Lê Thị Thu Hiền  
 Người lập

 Phan Dương Mạnh  
 Kế toán trưởng

 Nguyễn Chính Đại  
 Giám đốc

Hà Nội, ngày 06 tháng 02 năm 2018



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
**Năm 2017**  
*(Theo phương pháp gián tiếp)*

Đơn vị tính: VNĐ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2017	Năm 2016
			VND	VND
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		19,215,129,161	4,921,294,916
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		22,142,288,761	14,494,018,070
03	- Các khoản dự phòng		(139,297,128)	4,954,895,854
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(1,309,624)	-
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(2,464,653,874)	(3,285,800,221)
06	- Chi phí lãi vay		22,904,498,956	13,218,552,094
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		61,656,656,252	34,302,960,713
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(122,307,593,980)	(54,930,065,198)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(66,881,201,568)	(61,258,696,760)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		157,525,747,712	85,785,547,562
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		5,378,882,540	(2,090,477,290)
13	- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh		-	18,286,671,886
14	- Tiền lãi vay đã trả		(22,897,854,833)	(13,030,803,470)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(2,650,000,000)	(5,431,891,372)
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(589,400,000)	(671,735,300)
20	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>9,235,236,123</b>	<b>961,510,771</b>
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(30,574,416,342)	(60,564,733,614)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		240,000,000	-
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		-	(20,000,000,000)
27	4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		2,492,730,682	2,187,214,110
30	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>		<b>(27,841,685,660)</b>	<b>(78,377,519,504)</b>
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
	<b>I. CHÍNH</b>			
33	1. Tiền thu từ đi vay		694,993,721,43	371,848,062,498

			7	
34	2. Tiền trả nợ gốc vay	(698,623,282,670)	(252,829,774,544)	)
36	3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	(5,000,000,000)	-	
40	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>(8,629,561,233)</i>	<i>119,018,287,954</i>	
50	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>(27,236,010,770)</b>	<b>41,602,279,221</b>	
60	<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>59,401,556,239</b>	<b>17,799,277,018</b>	
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	1,309,624	-	
70	<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>32,166,855,093</b>	<b>59,401,556,239</b>	<b>3</b>

**Lê Thị Thu Hiền**  
Người lập

**Phan Dương Mạnh**  
Kế toán trưởng

**Nguyễn Chính Đại**  
Giám đốc

Hà Nội, ngày 06 tháng 02 năm 2018

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH Năm 2017

### 1. THÔNG TIN CHUNG

#### 1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần SCI E&C (tên cũ: Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9) được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0500574676 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 31/05/2010, đăng ký thay đổi lần thứ bảy ngày 29/05/2017.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, Đường Mỹ Trì, Phường Mỹ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 100 tỷ đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 100.000.000.000 đồng; tương đương 10.000.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

#### 1.2 Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Xây dựng nhà các loại, xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng.
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác: xây dựng công trình công nghiệp, trừ nhà cửa như: Các nhà máy lọc dầu, các xưởng hóa chất, xây dựng công trình cửa như: đường thủy, bến cảng và các công trình trên sông, các cảng du lịch, cửa cống... Đập và đê, xây dựng đường hầm; các công việc xây dựng khác không phải nhà như: các công trình thể thao ngoài trời;



- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ; Xây dựng công trình công ích
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng: Xây dựng nền móng của tòa nhà gồm đóng cọc, thử độ ẩm và các công việc thử nước, Chống ẩm các tòa nhà, chôn chân trụ, dỡ bỏ các phần thép không tự sản xuất, uốn thép, xây gạch và đặt đá, lợp mái bao phủ tòa nhà; Dụng giàn giáo và các công việc tạo dựng mặt bằng bằng dỡ bỏ hoặc phá hủy các công trình xây dựng trừ việc thuê giàn giáo và mặt bằng, dỡ bỏ ống khói và các nồi hơi công nghiệp, các công việc đòi hỏi chuyên môn cần thiết như kỹ năng treo và sử dụng các thiết bị liên quan, ví dụ làm việc ở tầng cao trên các công trình cao; Các công việc dưới bề mặt; Xây dựng bể bơi ngoài trời; Rửa bằng hơi nước, nổ cát và các hoạt động tương tự cho bề ngoài tòa nhà; Thuê cần trục có người điều khiển.
- Phá dỡ, chuẩn bị mặt bằng: làm sạch mặt bằng xây dựng; vận chuyển đất: đào, lấp, san mặt bằng và ủi tại các mặt bằng xây dựng, tiêu nước, vận chuyển đá, nổ mìn. Chuẩn bị mặt bằng để khai thác như: chuyển vật công kênh và các hoạt động chuẩn bị, phát triển khác đối với các mặt bằng và tài sản khoáng sản, ngoại trừ ở những vùng dầu và khí; Khoan thăm dò, khoan lỗ kiểm tra, lấy mẫu thử để kiểm tra về địa chất, địa vật lý hoặc các mục đích tương tự; hệ thống cấp thoát nước mặt bằng xây dựng; hệ thống cấp thoát nước nông nghiệp và lâm nghiệp;
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác; Lắp đặt hệ thống điện;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí; Hoàn thiện công trình xây dựng;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét; Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét; Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan;
- Bán buôn máy móc thiết bị và phụ tùng máy khác: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng; Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện như máy biến thế, rowle, cầu dao, cầu chì,...); Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi); Bán buôn máy móc, thiết bị phụ tùng máy công nghiệp.
- Sửa chữa máy móc, thiết bị
- Khai thác quặng sắt (Chỉ hoạt động sau khi được cơ quan có thẩm quyền của Nhà nước cho phép)
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ
- Sản xuất, truyền tải và phân phối điện: Sản xuất, truyền tải và phân phối điện; Mua bán điện
- Cho thuê xe có động cơ: Cho thuê ô tô
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác: Cho thuê máy móc, thiết bị nông, lâm nghiệp.

- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh (trừ mặt hàng Nhà nước cấm)
- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác; Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống); Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác; Bán mô tô, xe máy; Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy
- Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại
- Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu: Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại.

### 1.3 Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau :	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty CP SCI E&C - Chi nhánh Miền Nam	Sóc Trăng – Việt Nam	Xây lắp

## 2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

### 2.1 Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

### 2.2 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

#### *Chế độ kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

#### *Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán*

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

#### *Hình thức kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

### 2.3 Công cụ tài chính

#### *Ghi nhận ban đầu*

#### Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

#### Nợ phải trả tài chính



Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

*Giá trị sau ghi nhận ban đầu*

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

#### **2.4 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

#### **2.5 Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

#### **2.6 Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân sau mỗi lần nhập.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang: chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo từng công trình chưa hoàn thành hoặc chưa ghi nhận doanh thu.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

#### **2.7 Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định**

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	15 – 40 năm
- Máy móc, thiết bị	03 – 10 năm
- Phương tiện vận tải	04 – 10 năm
- Thiết bị văn phòng	03 – 08 năm

#### **2.8 Các khoản đầu tư tài chính**

Các khoản đầu tư tài chính tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Kỳ phiếu, tín phiếu kho bạc, tiền gửi ngân hàng có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là “trương đương tiền”;
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

### 2.9 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

### 2.10 Chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

### 2.11 Chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

### 2.12 Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có Nghị quyết chia cổ tức của Đại hội đồng cổ đông Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

### 2.13 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ



Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc năm tài chính, các khoản mục tiền tệ (tiền mặt, tiền gửi, tiền đang chuyển, nợ phải thu, nợ phải trả không bao gồm các khoản Người mua ứng trước và Ứng trước cho người bán, Doanh thu nhận trước) có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

#### **2.14 Ghi nhận doanh thu**

##### *Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

##### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

##### *Doanh thu hợp đồng xây dựng*

Phần công việc hoàn thành của Hợp đồng xây dựng làm cơ sở xác định doanh thu được xác định theo phương pháp đánh giá phần công việc đã hoàn thành, được khách hàng xác nhận bằng nghiệm thu, quyết toán, đã phát hành hoá đơn phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 15 - Hợp đồng xây dựng.

##### *Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn;

Cổ phiếu thường hay cổ tức trả bằng cổ phiếu: Không có khoản thu nhập nào được ghi nhận khi quyền được nhận cổ phiếu thường hay cổ tức bằng cổ phiếu được xác lập.

### 2.15 Ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

### 2.16 Các khoản thuế

*Thuế hiện hành*

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho năm tài chính hiện hành và các năm tài chính trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ tính thuế năm.

### 2.17 Các bên liên quan

Các doanh nghiệp, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết là các bên liên quan. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, cần chú ý tới bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

## 3. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>31/12/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
	VND	VND
Tiền mặt	1,089,170,178	579,364,526
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	31,077,684,915	45,822,191,713
Các khoản tương đương tiền	-	13,000,000,000
	<u>32,166,855,093</u>	<u>59,401,556,239</u>



#### 4. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
<b>Đầu tư ngắn hạn</b>	<b>250,000,000</b>	<b>250,000,000</b>	<b>20,250,000,000</b>	<b>20,250,000,000</b>
- Tiền gửi có kỳ hạn	250,000,000	250,000,000	250,000,000	250,000,000
- Các khoản đầu tư khác	-	-	20,000,000,000	20,000,000,000
<b>Đầu tư dài hạn</b>	<b>20,000,000,000</b>	<b>20,000,000,000</b>	-	-
- Trái phiếu (*)	20,000,000,000	20,000,000,000	-	-
	<b>20,250,000,000</b>	<b>20,250,000,000</b>	<b>20,250,000,000</b>	<b>20,250,000,000</b>

(\*) Khoản đầu tư trái phiếu của Công ty TNHH Thiết bị và Xây lắp Huy Hoàng, số lượng 20 trái phiếu, mệnh giá trái phiếu 1.000.000.000 đồng/trái phiếu, kỳ hạn trái phiếu từ ngày 29/06/2016 đến ngày 29/06/2021. Lãi trái phiếu thanh toán 1 năm/lần vào ngày 29/06 hàng năm. Khoản đầu tư trái phiếu được hình thành từ hợp đồng ủy thác đầu tư số 11/2016/HĐQL/IBFM-S99 ngày 28/06/2016 với Công ty Cổ phần Quản lý

#### 5. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
<b>a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn</b>		
Công ty Cổ phần SCI	26,448,963,216	32,440,407,308
Văn phòng đại diện Tổng Công ty Sông Đà, Ban điều hành Dự án Thủy điện Lai Châu	11,463,713,231	9,358,490,926
Công ty TNHH SCI Nghệ An	22,395,438,560	47,897,848,488
Chi nhánh Tổng Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	125,928,923,363	7,269,199,361
Công ty TNHH Xây dựng Chicharucune	16,013,291,948	10,437,388,236
Các khoản phải thu khách hàng khác	42,132,948,046	31,475,373,193
	<b>244,383,278,364</b>	<b>138,878,707,512</b>
<b>b) Phải thu của khách hàng phân loại theo kỳ hạn thanh toán</b>		
Các khoản phải thu khách hàng ngắn hạn	244,383,278,364	138,878,707,512
	<b>244,383,278,364</b>	<b>138,878,707,512</b>
<b>c) Phải thu khách hàng là các bên liên quan</b>	<b>48,844,401,776</b>	<b>80,338,255,796</b>
Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 33.		

**6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN**

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>				
Công ty TNHH GUANGZHOU YAOHUANG	2,093,000,000	-	16,433,458,542	-
Công ty TNHH Xây dựng Sơn Hải	6,664,839,248	-	-	-
Công ty TNHH Xây dựng Thương mại Dịch vụ D.N.T	8,379,148,864	-	-	-
Công ty CP ECOBA Việt Nam	15,201,732,497	-	-	-
Trả trước cho người bán khác	14,506,921,579	-	8,168,546,189	-
	<b>46,845,642,188</b>	<b>-</b>	<b>24,602,004,731</b>	<b>-</b>

**7. PHẢI THU KHÁC**

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>				
Phải thu về lãi tiền gửi, tiền cho vay	1,029,311,111	-	1,061,666,667	-
Phải thu người lao động	1,154,106,227	-	791,167,977	-
Tạm ứng	4,416,736,716	-	6,703,212,231	-
Ký cược, ký quỹ	3,500,000	-	85,960,000	-
Phải thu vật tư tạm ứng cho thầu phụ	2,607,389,570	-	3,962,637,943	-
Công ty Hitec	1,298,150,000	-	1,298,150,000	-
Phải thu khác	1,007,116,347	(383,541,210)	1,353,841,721	(383,541,210)
	<b>11,516,309,971</b>	<b>(383,541,210)</b>	<b>15,256,636,539</b>	<b>(383,541,210)</b>
<b>b) Dài hạn</b>				
Ký cược, ký quỹ	147,500,000	-	310,000,000	-
	<b>147,500,000</b>	<b>-</b>	<b>310,000,000</b>	<b>-</b>



## 8. NỢ XẤU

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi				
- Công ty CP Xây lắp và phát triển Thành Nam	6,248,083,094	3,124,041,547	6,248,083,094	4,373,658,166
- Công ty CP Xây dựng Dịch vụ và Thương mại 68	3,425,189,422	1,712,594,711	3,425,189,422	2,397,632,595
- Công ty Cổ phần Licogi 13	-	-	6,843,046,996	4,790,132,897
- Các khoản khác	719,830,762	-	719,830,762	-
	<b>10,393,103,278</b>	<b>4,836,636,258</b>	<b>17,236,150,274</b>	<b>11,561,423,658</b>

## 9. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	21,543,174,153	-	26,963,887,018	(21.037,532)
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	220,596,666,579	-	148,294,752,146	-
	<b>242,139,840,732</b>	<b>-</b>	<b>175,258,639,164</b>	<b>(21,037,532)</b>

## 10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	11,221,128,927	113,756,284,945	53,579,922,510	415,646,007	-	178,972,982,389
- Mua trong năm	-	28,622,247,727	17,464,278,176	171,986,364	-	46,258,512,267
- Thanh lý, nhượng bán	-	(261,912,500)	-	-	-	(261,912,500)
Số dư cuối năm	<b>11,221,128,927</b>	<b>142,116,620,172</b>	<b>71,044,200,686</b>	<b>587,632,371</b>	<b>-</b>	<b>224,969,582,156</b>
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	6,517,637,016	30,686,201,511	18,526,911,757	305,393,844	-	56,036,144,128
- Khấu hao trong năm	280,528,224	14,032,658,954	7,746,526,042	82,575,541	-	22,142,288,761
- Thanh lý, nhượng bán	-	(26,191,248)	-	-	-	(26,191,248)
Số dư cuối năm	<b>6,798,165,240</b>	<b>44,692,669,217</b>	<b>26,273,437,799</b>	<b>387,969,385</b>	<b>-</b>	<b>78,152,241,641</b>
Giá trị còn lại						
Tại ngày đầu năm	4,703,491,911	83,070,083,434	35,053,010,753	110,252,163	-	122,936,838,261
Tại ngày cuối năm	<b>4,422,963,687</b>	<b>97,423,950,955</b>	<b>44,770,762,887</b>	<b>199,662,986</b>	<b>-</b>	<b>146,817,340,515</b>

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 9.280.904.360 đồng.

**11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	<u>31/12/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>		
Chi phí trả trước về thuê văn phòng	-	11,858,417
Công cụ dụng cụ xuất dùng	792,255,376	628,643,316
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	385,355,042	5,022,614
	<u><b>1,177,610,418</b></u>	<u><b>645,524,347</b></u>
<b>b) Dài hạn</b>		
Chi phí Công cụ, dụng cụ xuất dùng	1,223,887,093	1,017,972,482
Chi phí sửa chữa văn phòng	139,307,072	676,050,133
Chi phí nhà xưởng đúc cọc Long Phú	176,621,958	5,425,499,618
Chi phí sửa chữa tài sản cố định	-	331,262,501
	<u><b>1,539,816,123</b></u>	<u><b>7,450,784,734</b></u>



**12. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả	Giá trị	Số có khả năng trả
	VND	VND	VND	VND
<b>a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn</b>				
Công ty CP SCI	13,024,751,085	13,024,751,085	13,735,674,564	13,735,674,564
Công ty CP DVC Việt Nam	12,605,286,378	12,605,286,378	10,519,685,177	10,519,685,177
Công ty TNHH DONARCO	16,058,148,425	16,058,148,425	86,652,500	86,652,500
Công ty TNHH Hoàng Sơn Fly Ash And Cement	17,810,692,800	17,810,692,800	2,988,300,000	2,988,300,000
Công ty TNHH Phát triển Công nghiệp Tân Hoàng Mai	11,095,369,161	11,095,369,161	6,715,683,926	6,715,683,926
VOITH HYDRO PRIVATE LIMITED	11,512,148,442	11,512,148,442	6,817,500	6,817,500
Công ty TNHH PETRO Lào	14,159,040,009	14,159,040,009	-	-
Phải trả các đối tượng khác	75,252,072,208	75,252,072,208	46,285,434,696	46,285,434,696
	<b><u>171,517,508,508</u></b>	<b><u>171,517,508,508</u></b>	<b><u>80,338,248,363</u></b>	<b><u>80,338,248,363</u></b>
<b>b) Phải trả người bán chi tiết theo kỳ hạn thanh toán</b>				
Phải trả người bán ngắn hạn	171,517,508,508	171,517,508,508	80,338,248,363	80,338,248,363
	<b><u>171,517,508,508</u></b>	<b><u>171,517,508,508</u></b>	<b><u>80,338,248,363</u></b>	<b><u>80,338,248,363</u></b>
<b>d) Phải trả người bán là các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 33.)</b>				
	<b><u>13,616,924,599</u></b>	<b><u>13,616,924,599</u></b>	<b><u>13,895,254,688</u></b>	<b><u>13,895,254,688</u></b>

**13. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN**

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Chi nhánh Tổng Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	54,398,244,034	29,370,854,216
Công ty TNHH SCI Nghệ An	51,491,395,261	49,713,253,462
Công ty CP SCI Lai Châu	12,500,000,000	-
Khách hàng khác	2,174,452,680	4,355,786,958
	<b><u>120,564,091,975</u></b>	<b><u>83,439,894,636</u></b>

#### 14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	-	-	15,980,388,599	15,987,509,445	7,120,846	-
Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu	-	-	6,804,000	6,804,000	-	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	52,863,721	-	3,877,985,057	2,650,000,000	-	1,175,121,336
Thuế Thu nhập cá nhân	-	297,174,127	625,148,107	662,664,295	-	259,657,939
Thuế Nhà đất, Tiền thuê đất	130,110,019	-	41,094,486	-	89,015,533	-
Các loại thuế khác	-	5,190,507	5,099,876	5,099,876	-	5,190,507
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	39,604,543	-	-	-	39,604,543
	<b>182,973,740</b>	<b>341,969,177</b>	<b>20,536,520,125</b>	<b>19,312,077,616</b>	<b>96,136,379</b>	<b>1,479,574,325</b>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

#### 15. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Chi phí lãi vay	248,318,122	372,507,333
Tiền vật tư vượt định mức phải trả	-	470,085,917
Trích trước chi phí các công trình	39,906,502,532	9,774,321,831
Chi phí phải trả khác	-	65,000,000
	<b>40,154,820,654</b>	<b>10,681,915,081</b>

#### 16. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>		
Kinh phí công đoàn	432,816,249	170,996,681
Bảo hiểm xã hội	3,461,470	268,331,419
Bảo hiểm thất nghiệp	-	38,332,320
Phải trả lãi vay	130,833,334	-
Phải trả vật tư tạm nhập trong kỳ	1,280,598,517	1,121,024,000
Liên danh chủ đầu tư công trình Namtheon (JV)	4,306,819,108	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	820,043,474	1,074,875,708
	<b>6,974,572,152</b>	<b>2,673,560,128</b>



**17. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH**

	01/01/2017		Trong năm		31/12/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>a) Vay ngắn hạn</b>						
Vay ngắn hạn	181,812,149,067	181,812,149,067	673,500,982,064	673,015,252,871	182,297,878,260	182,297,878,260
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hà Tây <sup>(1)</sup>	118,647,529,279	118,647,529,279	580,584,887,657	555,190,988,275	144,041,428,661	144,041,428,661
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đồng Anh <sup>(2)</sup>	47,164,619,788	47,164,619,788	70,416,094,407	93,324,264,596	24,256,449,599	24,256,449,599
- Công ty CP SCI	14,200,000,000	14,200,000,000	-	14,200,000,000	-	-
- Công ty CP DVC Việt Nam <sup>(3)</sup>	-	-	14,000,000,000	-	14,000,000,000	14,000,000,000
- Vay ngắn hạn cá nhân	1,800,000,000	1,800,000,000	8,500,000,000	10,300,000,000	-	-
Nợ dài hạn đến hạn trả	20,993,999,776	20,993,999,776	13,800,597,130	18,786,428,846	16,008,168,060	16,008,168,060
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đồng Anh	3,564,750,000	3,564,750,000	3,360,250,000	3,564,750,000	3,360,250,000	3,360,250,000
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hà Tây	17,429,249,776	17,429,249,776	10,440,347,130	15,221,678,846	12,647,918,060	12,647,918,060
	<b>202,806,148,843</b>	<b>202,806,148,843</b>	<b>687,301,579,194</b>	<b>691,801,681,717</b>	<b>198,306,046,320</b>	<b>198,306,046,320</b>
<b>b) Vay dài hạn</b>						
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hà Tây <sup>(5)</sup>	28,052,944,650	28,052,944,650	20,567,563,200	16,383,521,910	32,236,985,940	32,236,985,940
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đồng Anh <sup>(6)</sup>	11,151,467,687	11,151,467,687	275,000,000	3,588,500,000	7,837,967,687	7,837,967,687
	<b>39,204,412,337</b>	<b>39,204,412,337</b>	<b>20,842,563,200</b>	<b>19,972,021,910</b>	<b>40,074,953,627</b>	<b>40,074,953,627</b>

**18. VỐN CHỦ SỞ HỮU**
**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	100,000,000,000	4,722,740,999	19,885,063,100	124,607,804,099
Lãi/lỗ trong năm trước	-	-	4,029,765,892	4,029,765,892
Phân phối lợi nhuận	-	2,028,000,042	(3,109,600,064)	(1,081,600,022)
Giảm khác	-	-	(274,800,000)	(274,800,000)
Số dư cuối năm trước	100,000,000,000	6,750,741,041	20,530,428,928	127,281,169,969
Số dư đầu năm nay	100,000,000,000	6,750,741,041	20,530,428,928	127,281,169,969
Lãi/lỗ trong năm nay	-	-	15,337,144,104	15,337,144,104
Trích lập các quỹ	-	554,244,884	(849,842,156)	(295,597,272)
Chi trả cổ tức năm trước <sup>(1)</sup>	-	-	(5,000,000,000)	(5,000,000,000)
Thù lao HĐQT không chuyên trách	-	-	(300,000,000)	(300,000,000)
Số dư cuối năm nay	<b>100,000,000,000</b>	<b>7,304,985,925</b>	<b>29,717,730,876</b>	<b>137,022,716,801</b>

<sup>(1)</sup> Khoản lợi nhuận năm 2015 dùng để chi trả cổ tức theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 số 01-NQ/SICCO/HĐCĐ ngày 28/04/2016.

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 số 01/NQ/SICCO/HĐCĐ ngày 28/04/2017, Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận năm 2016 như sau:

	Tỷ lệ (%)	Số tiền VND		
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		4,029,765,892		
Các khoản giảm trừ vào lợi nhuận sau thuế		334,800,000		
Lợi nhuận phân phối	100.00%	3,694,965,892		
Trích Quỹ đầu tư phát triển	15.00%	554,244,884		
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	8.00%	295,597,272		
Lợi nhuận chưa phân phối	77.00%	2,845,123,736		
<b>b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>				
	Tỷ lệ (%)	Cuối năm VND	Tỷ lệ (%)	Đầu năm VND
Công ty Cổ phần SCI	60.50%	60,500,000,000	51.00%	51,000,000,000
Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghệ SIFO	0.00%	-	13.00%	13,000,000,000
Cổ đông khác	39.50%	39,500,000,000	36.00%	36,000,000,000
	<b>100.0%</b>	<b>100,000,000,000</b>	<b>100.0%</b>	<b>100,000,000,000</b>
<b>c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận</b>				
	Năm 2017 VND		Năm 2016 VND	
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	100,000,000,000		100,000,000,000	
- <i>Vốn góp đầu năm</i>	<i>100,000,000,000</i>		<i>100,000,000,000</i>	
- <i>Vốn góp cuối năm</i>	<i>100,000,000,000</i>		<i>100,000,000,000</i>	
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	5,000,000,000		-	
- <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước</i>	<i>5,000,000,000</i>		<i>-</i>	
<b>d) Cổ phiếu</b>				
	31/12/2017		01/01/2017	
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	10,000,000		10,000,000	
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	10,000,000		10,000,000	
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>10,000,000</i>		<i>10,000,000</i>	
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	10,000,000		10,000,000	
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>10,000,000</i>		<i>10,000,000</i>	
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10,000		10,000	
<b>e) Các quỹ công ty</b>				
	31/12/2017 VND		01/01/2017 VND	
Quỹ đầu tư phát triển	7,304,985,925		6,750,741,041	
	<b>7,304,985,925</b>		<b>6,750,741,041</b>	



**19. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
<b>Ngoại tệ các loại</b>		
	31/12/2017	01/01/2017
- Đồng đô la Mỹ (USD)	440.46	162.95

**20. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	25,892,632,660	4,257,547,743
Doanh thu cung cấp dịch vụ	2,224,710,823	3,223,190,636
Doanh thu hợp đồng xây dựng	845,747,296,189	350,177,618,362
	<b>873,864,639,672</b>	<b>357,658,356,741</b>

**21. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Giá vốn của thành phẩm đã bán	777,868,530,620	308,914,864,573
Giá vốn của hàng hóa đã bán	24,144,986,374	3,488,742,187
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	2,125,384,165	2,700,815,923
Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(21,037,532)	-
	<b>804,117,863,627</b>	<b>315,104,422,683</b>

**22. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	2,460,375,126	2,255,800,221
Lãi bán các khoản đầu tư	-	2,213,124,864
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	1,030,000,000
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	123,243,119	38,116,811
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	1,309,624	-
	<b>2,584,927,869</b>	<b>5,537,041,896</b>

**23. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Lãi tiền vay	22,904,498,956	13,218,552,094
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	73,166,635	122,356,437
Chi phí tài chính khác	-	39,106,069
	<b>22,977,665,591</b>	<b>13,380,014,600</b>

**24. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	3,627,148,340	2,530,786,963
Chi phí nhân công	13,483,942,799	11,130,866,499
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1,044,112,599	996,024,624
Thuế, phí, lệ phí	927,094,942	523,686,381
Chi phí dự phòng/hoàn nhập dự phòng	(118,259,596)	4,954,895,854
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6,412,620,855	4,402,507,812
Chi phí khác bằng tiền	4,579,726,736	5,941,438,949
	<b>29,956,386,675</b>	<b>30,480,207,082</b>

**25. THU NHẬP KHÁC**

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	4,278,748	-
Thu nhập từ bán thiết bị sản xuất	-	236,500,000
Xử lý công nợ	-	441,739,786
Tiền hoàn thuế được giảm	-	453,793,139
Thưởng tiến độ	-	95,504,000
Thu nhập khác	133,469,155	7,000,000
	<b>137,747,903</b>	<b>1,234,536,925</b>

**26. CHI PHÍ KHÁC**

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Các khoản bị phạt	64,431,345	294,232,918
Chi phí khác	255,839,045	249,763,363
	<b>320,270,390</b>	<b>543,996,281</b>

**27. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP HIỆN HÀNH**

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	19,215,129,161	4,921,294,916
Các khoản điều chỉnh tăng	174,796,122	652,885,080
- Chi phí không hợp lệ	174,796,122	215,936,469
- Doanh thu theo BB thuế không xuất hóa đơn	-	436,948,611
Các khoản điều chỉnh giảm	-	(1,116,534,875)
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	(1,030,000,000)
- Lợi nhuận đã nộp thuế TNDN	-	(86,534,875)
Thu nhập chịu thuế TNDN	19,389,925,283	4,457,645,121
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>3,877,985,057</b>	<b>891,529,024</b>



Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	(52,863,721)	4,487,498,627
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	(2,650,000,000)	(5,431,891,372)
<b>Thuế TNDN phải nộp cuối năm</b>	<b>1,175,121,336</b>	<b>(52,863,721)</b>

## 28. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế	15,337,144,104	4,029,765,892
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	15,337,144,104	4,029,765,892
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	10,000,000	10,000,000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>1,534</b>	<b>403</b>

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi trên Lợi nhuận sau thuế năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2017.

## 29. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	352,117,677,618	170,937,888,246
Chi phí nhân công	90,788,048,681	67,099,615,193
Chi phí khấu hao tài sản cố định	22,142,288,761	14,494,018,070
Chi phí dịch vụ mua ngoài	256,243,046,086	111,245,936,453
Chi phí khác bằng tiền	185,085,103,589	19,240,666,789
	<b>906,376,164,735</b>	<b>383,018,124,751</b>

## 30. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị số kế toán			
	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	32,166,855,093	-	59,401,556,239	-
Phải thu khách hàng, phải thu	256,047,088,335	(5,556,467,020) <sup>a</sup>	154,445,344,051	(5,674,726,616)
Đầu tư ngắn hạn	250,000,000	-	20,250,000,000	-
Đầu tư dài hạn	20,000,000,000	-	-	-
	<b>308,463,943,428</b>	<b>(5,556,467,020)</b>	<b>234,096,900,290</b>	<b>(5,674,726,616)</b>

	Giá trị số kế toán	
	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
<b>Nợ phải trả tài chính</b>		
Vay và nợ	238,380,999,947	242,010,561,180
Phải trả người bán, phải trả khác	178,492,080,660	83,011,808,491
Chi phí phải trả	40,154,820,654	10,681,915,081
	<b>457,027,901,261</b>	<b>335,704,284,752</b>

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính năm do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

#### **Quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

#### **Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc năm tài chính Công ty chưa có kế hoạch bán các

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

#### **Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).



	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>Tại ngày 31/12/2017</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	32,166,855,093	-	-	32,166,855,093
Phải thu khách hàng, phải thu	250,343,121,315	147,500,000	-	250,490,621,315
Đầu tư ngắn hạn	250,000,000	-	-	250,000,000
Đầu tư dài hạn	-	20,000,000,000	-	20,000,000,000
	<b>282,759,976,408</b>	<b>20,147,500,000</b>	<b>-</b>	<b>302,907,476,408</b>
<b>Tại ngày 01/01/2017</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	59,401,556,239	-	-	59,401,556,239
Phải thu khách hàng, phải thu	148,460,617,435	310,000,000	-	148,770,617,435
Đầu tư ngắn hạn	20,250,000,000	-	-	20,250,000,000
	<b>228,112,173,674</b>	<b>310,000,000</b>	<b>-</b>	<b>228,422,173,674</b>

**Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>Tại ngày 31/12/2017</b>				
Vay và nợ	198,306,046,320	40,074,953,627	-	238,380,999,947
Phải trả người bán, phải trả khác	178,492,080,660	-	-	178,492,080,660
Chi phí phải trả	40,154,820,654	-	-	40,154,820,654
	<b>416,952,947,634</b>	<b>40,074,953,627</b>	<b>-</b>	<b>457,027,901,261</b>
<b>Tại ngày 01/01/2017</b>				
Vay và nợ	202,806,148,843	39,204,412,337	-	242,010,561,180
Phải trả người bán, phải trả khác	83,011,808,491	-	-	83,011,808,491
Chi phí phải trả	10,681,915,081	-	-	10,681,915,081
	<b>296,499,872,415</b>	<b>39,204,412,337</b>	<b>-</b>	<b>335,704,284,752</b>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính

### 31. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

### 32. BÁO CÁO BỘ PHẬN

#### Theo lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực xây lắp, chiếm trên 90% tổng doanh thu hoạt động. Do đó, Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

#### Theo khu vực địa lý

	Lãnh thổ Việt Nam VND	Lãnh thổ nước ngoài VND	Tổng cộng toàn doanh nghiệp VND
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	755,734,172,329	118,130,467,343	873,864,639,672
Tài sản bộ phận	655,377,118,034	91,733,783,621	747,110,901,655
Tổng chi phí mua TSCĐ	46,258,512,267	-	46,258,512,267

### 33. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong kỳ, Công ty có các giao dịch phát sinh và số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán với các bên liên quan như sau: (riêng đối với các khoản vay với các bên liên quan được nêu chi tiết tại thuyết minh số 17.)

#### Giao dịch phát sinh trong năm:

	Mối quan hệ	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
<b>Bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>		<b>448,768,860,104</b>	<b>166,441,677,155</b>
Công ty Cổ phần SCI	Công ty mẹ	132,324,501,131	89,714,996,842
Công ty TNHH SCI Nghệ An	Công ty con cùng Tập đoàn	316,444,358,973	76,726,680,313
<b>Mua hàng</b>		<b>11,692,914,427</b>	<b>15,142,301,880</b>
Công ty Cổ phần SCI	Công ty mẹ	9,889,542,789	14,995,371,824
Công ty TNHH SCI Nghệ An	Công ty con cùng Tập đoàn	1,018,447,885	146,930,056
Công ty Cổ phần Tư vấn SCI	Công ty con cùng Tập đoàn	784,923,753	-
<b>Chi phí lãi vay</b>		<b>294,650,000</b>	<b>1,071,800,000</b>
Công ty Cổ phần SCI	Công ty mẹ	294,650,000	1,071,800,000

#### Số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán:

	Mối quan hệ	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
<b>Phải thu ngắn hạn khách hàng</b>		<b>48,844,401,776</b>	<b>80,338,255,796</b>
Công ty Cổ phần SCI	Công ty mẹ	26,448,963,216	32,440,407,308
Công ty TNHH SCI Nghệ An	Công ty con cùng Tập đoàn	22,395,438,560	47,897,848,488



<b>Phải trả người bán ngắn hạn</b>		<b>13,616,924,599</b>	<b>13,895,254,688</b>
Công ty Cổ phần SCI	Công ty mẹ	13,024,751,085	13,735,674,564
Công ty TNHH SCI Nghệ An	Công ty con cùng Tập đoàn	20,429,386	159,580,124
Công ty Cổ phần Tư vấn SCI	Công ty con cùng Tập đoàn	571,744,128	-
<b>Người mua trả tiền trước</b>		<b>63,991,395,261</b>	<b>52,305,040,420</b>
Công ty Cổ phần SCI	Công ty mẹ	-	2,591,786,958
Công ty TNHH SCI Nghệ An	Công ty con cùng Tập đoàn	51,491,395,261	49,713,253,462
Công ty Cổ phần SCI Lai Châu	Công ty con cùng Tập đoàn	12,500,000,000	-
<b>Vay ngắn hạn</b>		<b>-</b>	<b>14,200,000,000</b>
Công ty Cổ phần SCI	Công ty mẹ	-	14,200,000,000

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Thu nhập của Ban Giám đốc và Hội đồng Quản trị	2,732,527,316	2,208,810,257

### 34. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2016 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC.

(Đã ký)

(Đã ký)

(Đã ký)

**Lê Thị Thu Hiền**

Người lập

**Phan Dương Mạnh**

Kế toán trưởng

**Nguyễn Chính Đại**

Giám đốc



Hà Nội, ngày 25 tháng 05 năm 2018.

**CÔNG TY CỔ PHẦN SCI E&C**

**GIÁM ĐỐC**



*Phan Thanh Hải*